

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH



LUÔN ĐI CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BẠN

EAREFICO



EAREFICO

LUÔN ĐI CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BẠN

MỤC LỤC

08 THÔNG TIN CHUNG

36 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

60 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

68 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

72 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

82 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



THÔNGIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Nhà đầu tư, Năm 2015, kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, nhưng Việt Nam là một trong những nước trong khu vực ít chịu ảnh hưởng tiêu cực từ kinh tế thế giới và được đánh giá tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2015 tăng trưởng 6,68%, đặc biệt tổng giá trị sản lượng ngành xây dựng được đánh giá ở mức tăng cao nhất trong 5 năm qua.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Searefico được đánh giá như một mốc son về tăng trưởng khi lần đầu tiên doanh số toàn Công ty vượt mốc 1000 tỉ đồng - đạt 1.044 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất vượt 30% - đạt 79,3 tỷ đồng. Như vậy Searefico đã và đang đi đúng hướng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng ổn định, tôi tin rằng Searefico hoàn toàn có thể đạt mục tiêu doanh thu 2.000 tỷ đồng đến năm 2018.

Tiếp nối sự phát triển này, năm 2016 sẽ có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm ưu tiên tập trung vào CHẤT LƯỢNG và TIẾN ĐỘ. Đồng thời Searefico sẽ tăng cường mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác, liên kết với các bạn hàng phát triển ngành nghề kinh doanh mới nhằm gia tăng giá trị cho các nhà đầu tư.

Những thay đổi về mô hình quản lý, cơ cấu tổ chức đã triển khai trong năm 2015 sẽ được tiếp tục hoàn thiện thông qua các công cụ quản lý hiện đại trong năm 2016 như: (1) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý ERP; (2) Ứng dụng công nghệ BIM vào trong quản lý dự án; (3) Kiểm soát tập trung các chi phí mua hàng và giao nhà thầu phụ; (4) 100% dự án được kiểm soát ngân sách thực hiện; (5) Quản trị chiến lược và đánh giá thành tích bằng công cụ BSC (6) Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên WDP; (7) Cải tiến năng suất và chất lượng bằng công cụ 5S và Kaizen của Nhật Bản. Những công cụ này sẽ giúp Searefico nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng thị phần, tăng giá trị thương hiệu, nâng cao thu nhập cho Người lao động. Chúng tôi sẽ phấn đấu để trở thành một trong Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam nhằm thu hút thêm nhiều nhân tài để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.



Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi cam kết sẽ theo sát các kế hoạch phát triển để đảm bảo thực hiện một cách tốt nhất các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hãy sát cánh và tin tưởng vào các nguồn lực hiện có để Searefico có thêm nhiều động lực hướng đến mục tiêu chiến lược như chúng ta đang hướng đến và kỳ vọng đầy tích cực.

Và hơn hết, chúng tôi luôn luôn mong muốn được đóng góp một phần trong sự thành công của Quý vị trong chặng đường phía trước bằng cách không ngừng gia tăng doanh thu và lợi nhuận, tăng thêm tích lũy, củng cố khả năng tài chính đáp ứng tốt các mục tiêu phát triển bền vững Công ty.

Trân trọng,
TM Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn Hữu Thịnh



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan về công ty

2. Quá trình hình thành & phát triển

3. Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

4. Mô hình quản trị & bộ máy quản lý


5. Định hướng phát triển & các mục tiêu

6. Các yếu tố rủi ro



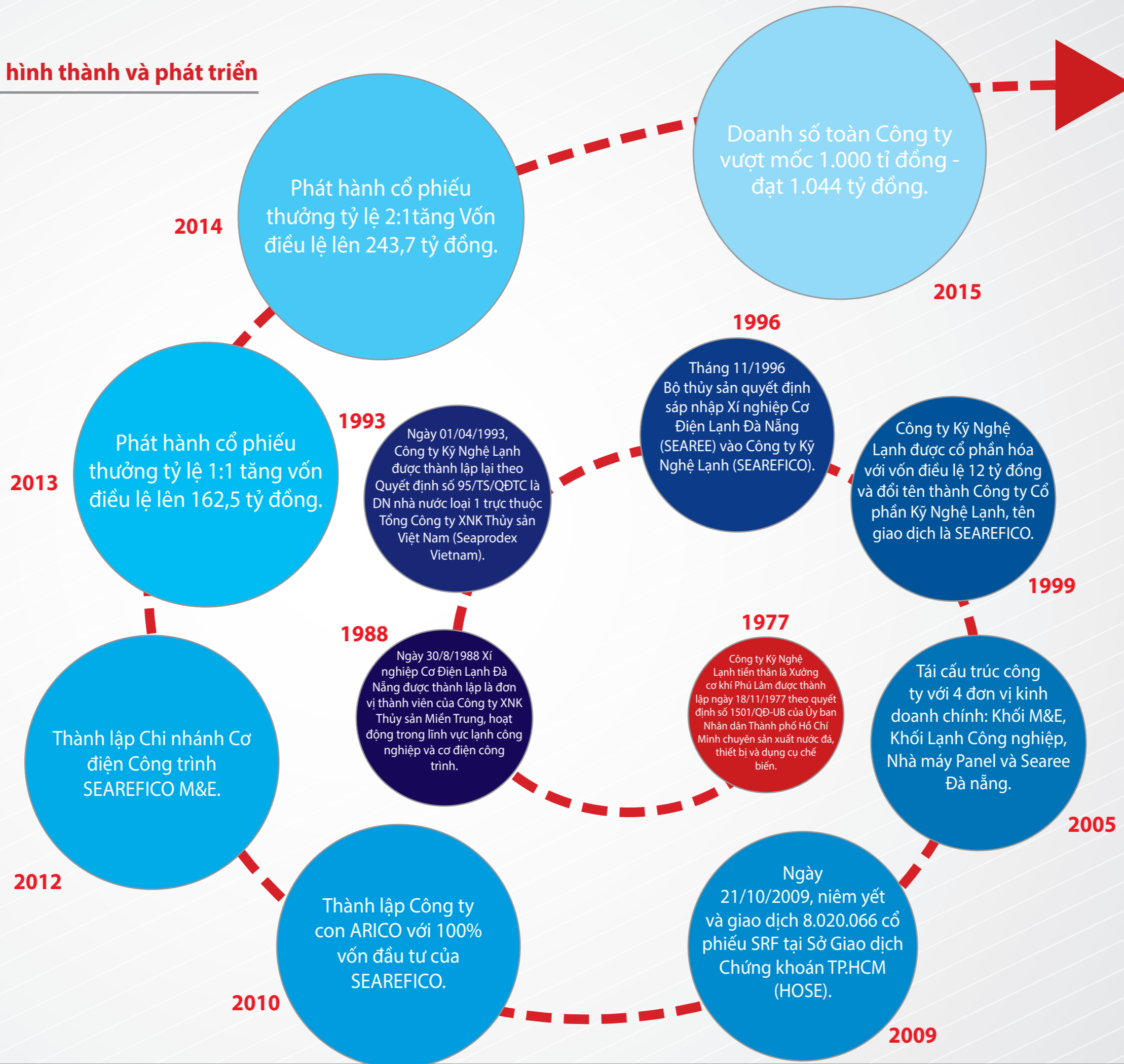
I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan về công ty

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH
Tên viết tắt:	SEAREFICO
Logo:	
GCNĐKKD:	0301825452
Vốn điều lệ:	243.749.160.000 đồng
Địa chỉ:	72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6 Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	+84 8 3822 7260
Số fax:	+84 8 3822 6001
Website:	www.searefico.com
Mã cổ phiếu:	SRF
Sàn niêm yết:	HOSE
Ngày giao dịch đầu tiên:	21/10/2009
Số lượng cổ phiếu niêm yết:	24.374.916 cổ phiếu



2. Quá trình hình thành và phát triển





Tầm nhìn

Trở thành một tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Sứ mệnh

Không ngừng hoàn thiện để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất.

Giá trị văn hóa cốt lõi

Sincerity – Trung thực

Tính thẳng thắn, trung thực là nền tảng trong ứng xử và thực hiện công việc. Giữ gìn đạo đức kinh doanh và tuân thủ pháp luật.

Excellent – Luôn hoàn thiện

Sản phẩm luôn được cải tiến. Công trình sau phải tốt hơn công trình trước. Ngày hôm nay phải hơn hôm qua và ngày mai phải hơn hôm nay

Accountability – Chủ động

Chúng tôi đề cao trách nhiệm cá nhân, khuyến khích nhân viên chủ động giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Respect – Tôn trọng

Chúng tôi tôn trọng mọi sự khác biệt và khuyến khích sự tham gia bình đẳng của tất cả thành viên trong công ty.

Education – Học hỏi

Không ngừng học hỏi để hoàn thiện. Các cấp lãnh đạo phải hướng dẫn, giúp đỡ, chỉ cho nhân viên khoảng cách giữa yêu cầu, tiêu chuẩn công việc và kiến thức, năng lực của bản thân để thiết lập mục tiêu cá nhân cho mỗi người.

Fairness – Công bằng

Đánh giá nhân viên một cách công bằng và minh bạch. Đãi ngộ dựa trên năng lực và khả năng đóng góp của từng người hài hòa với lợi ích chung của công ty.

Innovation – Sáng tạo

Chúng tôi cam kết xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo, khai mở tư duy, khai minh tư tưởng, nuôi dưỡng mọi ước mơ.

Cooperation – Hợp tác

Chúng tôi xây dựng một môi trường làm việc cởi mở, chân thành, dân chủ và hợp tác.

Objective – Có mục tiêu

Quản lý theo mục tiêu kết quả. Mục tiêu của các bộ phận phải hướng đến mục tiêu chung của Công ty.

Các thành tích đạt được



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề, Sản phẩm và dịch vụ

Cung cấp và lắp đặt các hệ thống M&E và LCN như: hệ thống lạnh công nghiệp, lò hơi và thiết bị nhiệt; hệ thống điều hòa không khí và thông gió; hệ thống báo cháy, chống cháy và chữa cháy; hệ thống điện chiếu sáng, động lực và điều khiển; hệ thống cấp thoát và xử lý nước; hệ thống thông tin liên lạc, camera quan sát và kiểm soát an ninh; hệ thống tự động hóa tòa nhà thông minh; hệ thống thang máy, thang cuốn, thang lăn, v.v...

Các sản phẩm thuộc lĩnh vực lạnh công nghiệp và chế biến thực phẩm như: Panel cách nhiệt cho kho lạnh và phòng sạch, thiết bị cấp đông siêu tốc (IQF) tấm phẳng, IQF lưới siêu tốc, IQF tấm bột, tủ đông gió, tủ đông tiếp xúc, máy làm đá vảy, băng chuyền hấp và làm mát, dây chuyền tẩm bột chiên, v.v...

Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài khắp cả nước từ Bắc đến Nam và vùng hải đảo, sản phẩm lạnh công nghiệp đã được xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài như Ấn Độ, Indonesia, v.v...



Một số công trình tiêu biểu



Một số công trình tiêu biểu

 PEARL PLAZA



 GARDEN GATE



 HABITAT BÌNH DƯƠNG



 KHÁCH SẠN HILTON ĐÀ NẴNG



 NHÀ MÁY BEL



 VINCON MEGA MALL THẢO ĐIỀN



 MÓNG TAY RESORT



 VISTA VERDE



 LÀNG PHÁP BÀ NÀ



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Trách nhiệm quản trị của Nhóm công ty được thực hiện bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty mẹ và Hội đồng thành viên (HĐTV) công ty con. Ban giám đốc là bộ máy thực thi các Nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Hội đồng quản trị: HĐQT đương nhiệm có Chủ tịch và 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Tổng giám đốc trực tiếp tham gia điều hành và 03 thành viên không điều hành (01 thành viên là người nước ngoài).

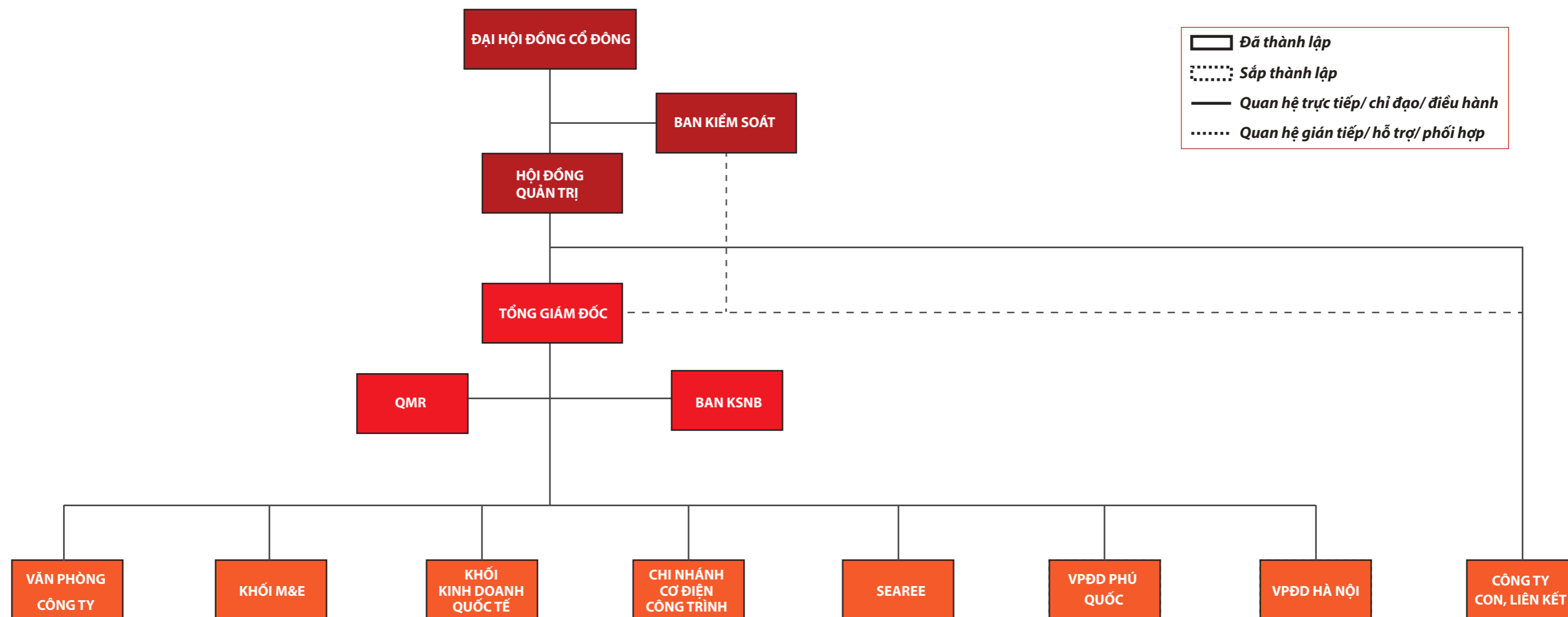
Cơ cấu tổ chức

Ban điều hành

Ban điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh thị trường, Giám đốc khối và Giám đốc các đơn vị thành viên. Ban điều hành có nhiệm vụ triển khai, thực thi các Nghị quyết của HĐQT và chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Ủy ban Chứng khoán.



Các chi nhánh, công ty con và công ty liên kết

Các chi nhánh



Chi nhánh Cơ Điện Công Trình (SEAREFICO M&E)

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Centec, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: +84 8 3822 7260

Fax: +84 8 3822 6001

Email: info@searefico.com

Website: www.searefico.com

Lĩnh vực kinh doanh chính: Thi công, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống báo cháy, chống cháy và chữa cháy, thang máy, hệ thống cấp thoát nước.



Chi nhánh tại Đà Nẵng – Công ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng

Địa chỉ: Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.

Điện thoại: +84 511 373 6251

Fax: +84 511 373 6253

Email: info@searefico.com

Website: www.searee.com

Lĩnh vực kinh doanh: Lắp đặt các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, thang máy, cấp thoát nước; thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài nước.

Công ty con



Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO)

Địa chỉ: 25 – 27 Đường Trung Tâm, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 3754 5678

Fax: +84 8 3754 5679

Email: www.arico.com.vn

Website: hcm@arico.com.vn

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 100%

Lĩnh vực kinh doanh chính: Lắp đặt các công trình lạnh công nghiệp, sản xuất, xuất khẩu gia công chế tạo máy móc thiết bị và phụ kiện ngành cơ điện lạnh; tư vấn, thiết kế, cung cấp và lắp đặt thiết bị thi công, bảo trì sửa chữa các hệ thống, thiết bị cơ – nhiệt – điện lạnh công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước.



Công ty liên kết



Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: Lô 9 Phạm Văn Đồng, Tp. Huế

Điện thoại: +84 54 382 1510

Fax: +84 4 382 5152

Email: www.xaylaphue.com.vn

Website: info@xaylaphue.com.vn

Vốn điều lệ: 126.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 36%

Lĩnh vực kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát, thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, lắp đặt điện nước, trang trí nội thất, xử lý nền móng công trình.



CÔNG TRÌNH BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC



CÔNG TRÌNH SSG TOWER

5. Định hướng phát triển và các mục tiêu chủ yếu

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu của Công ty là phát triển lành mạnh và bền vững, giữ trọn chữ tâm với nhân viên, chữ tín với khách hàng. Từ năm 2020 trở đi, Searefico sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng E&C và trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, trở thành địa chỉ tin cậy cho khách hàng và nhà đầu tư. Mục tiêu đến năm 2018 công ty sẽ phấn đấu để trở thành một trong Top 100 công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam nhằm, thu hút thêm nhân tài và tiếp tục phát huy giá trị văn hóa đặc thù của Searefico.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong kế hoạch trung và dài hạn, Công ty tiếp tục tập trung vào nâng cao hiệu quả của các hoạt động cốt lõi, tìm kiếm cơ hội đầu tư, liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài, mở rộng hợp tác sang nhiều lĩnh vực để trở thành một tập đoàn đa ngành trong lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như năng lượng sạch, sản phẩm thân thiện với môi trường, thiết bị công nghệ tạo giá trị gia tăng trong ngành thực phẩm và chế biến sau thu hoạch.

Đối với khách hàng: Với triết lý kinh doanh “Chất lượng sản phẩm là trọng tâm, lợi ích khách hàng là then chốt”, Công ty cam kết cung cấp các sản phẩm dịch vụ ở phân khúc chất lượng cao với giá cả hợp lý và chính sách chăm sóc khách hàng ưu việt.

Đối với CBCNV: Đầu tư cho tuyển dụng và đào tạo. Tuyển đúng người, giao đúng việc và động viên đúng lúc. Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng nhân viên (Career Path và WDP). Tập trung phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, tạo mọi điều kiện cho các nhân viên tiềm năng có cơ hội được thể hiện. Giúp nhân viên thực sự tham gia vào quá trình quản lý để tìm thấy giá trị của họ ở Công ty.

Đối với cổ đông: Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả nhằm bảo toàn và gia tăng lợi ích của cổ đông.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội. Để phát triển bền vững, Công ty không ngừng nghiên cứu, đầu tư vào lĩnh vực công nghệ xanh, sạch và thân thiện với môi trường. Trong năm 2015 công ty đã triển khai dự án đầu tư chuyển đổi dây chuyền sản xuất Panel theo công nghệ Cyclopentance để giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nối tiếp thành công được ghi nhận của cộng đồng các trường đại học lớn tại TP HCM và Đà Nẵng, năm 2016 công ty tiếp tục liên kết với các cơ sở uy tín như: ĐH Bách Khoa TP HCM, ĐH Bách Khoa Đà Nẵng, ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP HCM, ĐH Tôn Đức Thắng, ĐH Kỹ thuật Công nghệ... để tài trợ học bổng cho sinh viên, huấn luyện kỹ năng mềm, tư vấn hướng nghiệp, nhận sinh viên thực tập tại văn phòng, nhà máy, công trường. Ngoài ra chương trình nhận thực tập sinh quốc tế từ Nhật Bản cũng được duy trì đều đặn. Các sinh viên giỏi sẽ được Công ty tài trợ làm luận văn tốt nghiệp và có cơ hội nhận việc ngay sau khi ra trường.

6. Các yếu tố rủi ro

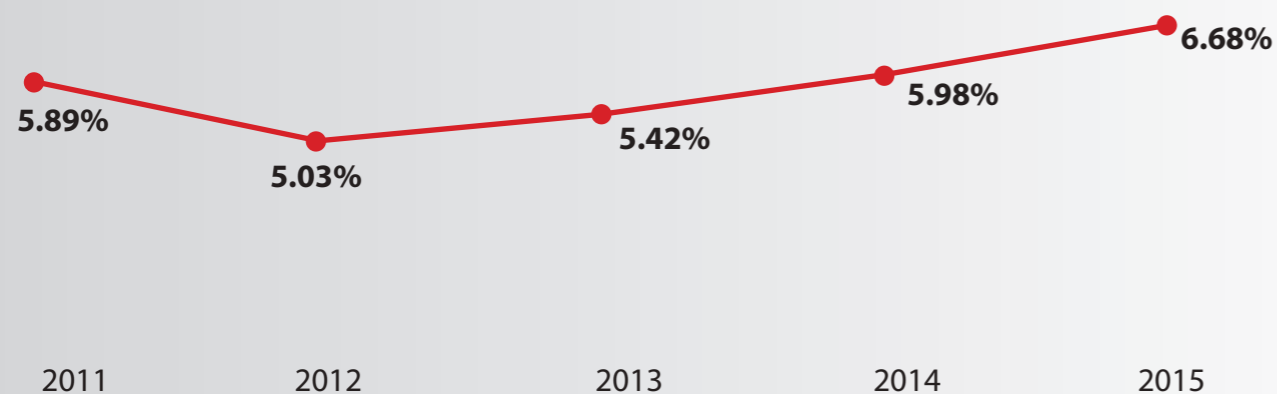
Rủi ro kinh tế

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Nhìn chung, kinh tế vĩ mô đã có sự tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển biến tích cực, tình hình kinh tế - xã hội cả nước năm 2015 đạt nhiều kết quả khả quan hơn các năm trước. Theo tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,5%, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm 2011 -2014, điều này cho thấy sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế.

Năm 2016 là năm đầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (giai đoạn 2016 – 2020), theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến đạt 6,6% và theo mục tiêu kế hoạch của Chính phủ là 6,7%, tỷ lệ lạm phát được dự báo tiếp tục nằm ở mức thấp. Tuy nhiên, Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn do quá trình tái cơ cấu còn chậm, tỷ lệ nợ xấu chưa được xử lý triệt để dù nằm dưới mức 3% theo báo cáo của Chính phủ. Trước tình hình đó, nhằm hạn chế tác động từ những bất ổn của nền kinh tế, Searefico đề ra những chiến lược kinh doanh thận trọng, đi kèm các phương án kinh doanh dự phòng nhằm ứng phó kịp thời với sự thay đổi của nền kinh tế.

GDP qua các năm từ 2010 - 2015



Rủi ro về biến động lãi suất

Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất năm 2015 giảm 0,2% - 0,5%/năm so với 2014 nhờ những giải pháp điều hành tiền tệ đồng bộ của NHNN, qua đó hỗ trợ tích cực cho tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Với đặc điểm hoạt động là dịch vụ xây lắp nên Công ty sử dụng khá nhiều vốn vay ngân hàng. Tuy nhiên, Searefico là doanh nghiệp được các ngân hàng xếp hạng tín nhiệm cao, khả năng tài chính tốt nên luôn được vay với mức lãi suất phù hợp và ổn định. Ngoài ra, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường tiền tệ, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế nhằm sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp, hạn chế ảnh hưởng lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND ổn định trong năm 2015 và dự báo không biến động nhiều trong năm 2016.

Rủi ro về biến động tỷ giá

Năm 2015 là một năm có nhiều biến động về tỷ giá do USD tăng giá, nguyên nhân bắt nguồn từ sự kỳ vọng Cục Dự Trữ liên bang Mỹ (FED) điều chỉnh tăng lãi suất. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc bất ngờ phá giá đồng Nhân dân tệ đã kéo theo làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền vốn là các đối tác thương mại chính của Việt Nam.

Nhằm tránh những tác động bất lợi đến nền kinh tế, trong năm 2015 NHNN đã thực hiện điều chỉnh tăng tỷ giá 3% và nới biên độ thêm 2% từ mức +/-1% lên +/-3%. Theo tổng cục thống kê, tỷ giá USD bình quân tăng 3,16% so với năm 2014. Mặc dù ít nhập khẩu trực tiếp nhưng việc biến động tỷ giá cũng ảnh hưởng nhiều đến chi phí vật tư/thiết bị (luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty), vì vậy Công ty luôn chú trọng trong việc tìm kiếm đối tác, lên kế hoạch mua hàng và sử dụng đồng tiền thanh toán phù hợp để giảm thiểu tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Rủi ro về pháp luật

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện. Theo đó, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn khi chưa có sự thống nhất, đồng bộ và chưa có sự hướng dẫn rõ ràng. Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu nên sự thay đổi về mặt chính sách đều gây ra những ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty thành lập bộ phận riêng biệt theo dõi các thay đổi về chính sách nhằm điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Các rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro ở trên, hoạt động của công ty còn chịu những rủi ro khác như thiên tai, chiến tranh, khủng bố, v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khả năng ít xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có ảnh hưởng tiêu cực không thể lường trước đối với tình hình hoạt động của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động trong năm

2. Tổ chức và nhân sự

3. Tình hình đầu tư

4. Tình hình tài chính

5. Cơ cấu cổ đông

6. Báo cáo tác động môi trường và xã hội

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Sau hơn 7 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008), kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước. Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới phát triển chậm và không ổn định. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4%.

Theo đánh giá của các chuyên gia, nền kinh tế Việt Nam ít chịu ảnh hưởng tiêu cực từ kinh tế thế giới nên có sự tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp. Trong môi trường kinh doanh thuận lợi này, Searefico đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận như sau:

Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	% So với cùng kỳ	% kế hoạch 2015
Doanh thu thuần	837,28	1.150,00	1.044,28	124,72%	90,81%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	72,72	61,00	59,93	82,41%	98,25%
Lợi nhuận trước thuế	72,90	61,00	79,31	108,78%	130,00%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	64,77	54,00	65,34	100,87%	121,00%
Tỷ lệ cổ tức (%)	12,00	12,00	20,00 (*)	166,67%	166,67%

(*) Tỷ lệ cổ tức theo tờ trình của HĐQT chờ ĐHĐCĐ phê duyệt.

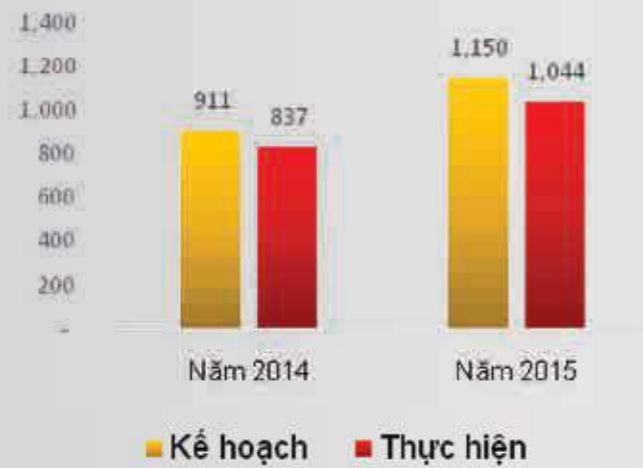
2. Tổ chức nhân sự



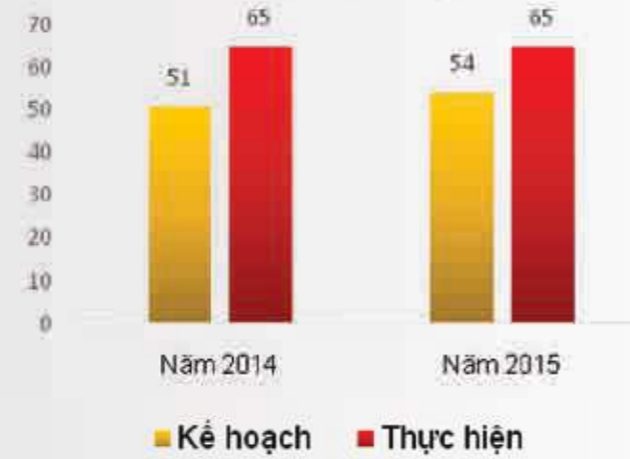
Danh sách ban điều hành và các cán bộ chủ chốt

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Tấn Phước	Tổng giám đốc	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc Tài chính	
3	Ông Mai Chánh Thành	Giám Đốc CN Cơ Điện Công Trình	
4	Ông Nguyễn Quốc Cường	Giám đốc Công ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng	
5	Ông Trần Đình Mười	Giám đốc Khối M&E	
6	Nguyễn Trường Hải	Giám đốc Khối Kinh doanh Quốc Tế	Bổ nhiệm từ 07/05/2015
7	Mai Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 01/10/2015

Tình hình thực hiện doanh thu theo kế hoạch (tỷ đồng)



Tình hình thực hiện lợi nhuận sau thuế sau kế hoạch (tỷ đồng)



Năm 2015, doanh thu thuần hợp nhất toàn Công ty đạt 1.044 tỷ đồng, tăng 207 tỷ đồng, tương ứng tăng 24,72% so với năm 2014 và đạt 90,81% so với kế hoạch năm 2015. Đây là năm đầu tiên doanh thu toàn Công ty vượt cột mốc 1.000 tỷ và giúp Searefco vinh dự tiếp tục góp mặt trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2015 (VNR500). Đây thật sự là cột mốc quan trọng và đáng tự hào của Searefco sau hành trình gần 40 năm hình thành và phát triển.

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2015 là 79,31 tỷ, đạt 130% kế hoạch. Nếu không tính đến khoản thu nhập chuyển nhượng đất (19,57 tỷ) thì LNTT từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 59,74 tỷ, đạt 98% kế hoạch 2015. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 dự kiến là 20% (nếu được ĐHCĐ thông qua), tăng 8%/mệnh giá so với mức 12%/mệnh giá mà đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua và tăng 67% so với năm trước.

Mặc dù chưa đạt kết quả như mong đợi nhưng kết quả này cũng là sự nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty, trong đó phải kể đến sự đóng góp rất lớn của các đơn vị như Khối M&E (MED), Chi nhánh Cơ Điện Công Trình (MEB) và đóng góp từ công ty mẹ qua các khoản đầu tư từ công ty liên kết.

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành



Ông Lê Tấn Phước

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 644.181 cổ phần, chiếm 2,64% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: TV HĐQT Công ty CP Xây lắp Thừa Thiên Huế, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (Công ty con)



Ông Mai Chánh Thành

Chức vụ: Giám đốc CN Cơ Điện Công Trình

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 46.479 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - ngành Kế toán tài chính

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 19.818 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế, Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (Công ty con)



Ông Nguyễn Quốc Cường

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 39.408 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành:



Ông Trần Đình Mười

Chức vụ: Giám đốc Khối M&E

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt và Máy lạnh

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 14.841 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Bà Mai Thị Kim Dung

Chức vụ: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – tài chính

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 3.174 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Ông Nguyễn Trường Hải

Chức vụ: Giám đốc khối Kinh doanh quốc tế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	721	100,00%
1	Trên Đại học	7	0,97%
2	Đại học	349	48,40%
3	Cao đẳng	38	5,28%
4	Khác	327	45,35%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	721	100,00%
1	Lao động trực tiếp	75	10,40%
2	Lao động gián tiếp	646	89,60%

Chính sách đối với người lao động

Nguồn nhân lực là tài sản quý nhất của Searefco, là nền tảng để Công ty đạt được thành tựu như hiện nay và tiếp tục phát triển trong tương lai.

Chúng tôi không ngừng nỗ lực để Searefco trở thành nơi làm việc tốt nhất và mọi nhân viên có thể đạt được mục tiêu nghề nghiệp của mình tại đây.

Chính sách tuyển dụng

Tử tế và thích hành động là tiêu chí tuyển dụng của Công ty. Ứng viên được lựa chọn phải có tố chất, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu công việc và chúng tôi bảo đảm rằng mọi người đều có cơ hội ngang nhau.

Môi trường làm việc

Môi trường làm việc của Công ty hướng đến sự chuyên nghiệp, dân chủ, ứng xử văn minh, thân thiện, cạnh tranh nhưng hợp tác; đồng nghiệp là những người giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm và các chuyên gia nước ngoài.

Chế độ lao động

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ Lễ, phép, nghỉ khác,... tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Nhân viên được cấp đồng phục; trang bị máy tính, điện thoại bàn, văn phòng phẩm, account email; tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, máy tính bảng, v.v...

Chính sách thăng tiến

Tại Công ty, nhân viên giỏi có thể tự quyết định sự nghiệp và con đường phát triển nghề nghiệp của mình.

Những người có khát vọng, hoài bão, tinh thần vượt khó và ý chí vươn lên có nhiều cơ hội được đề bạt vào các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

Chính sách đánh giá thành tích nhân viên

Việc đánh giá thành tích nhân viên được thực hiện định kỳ và theo ba tiêu chí:

- Kết quả công việc
- Kỹ năng
- Thái độ

Thông qua đánh giá thành tích, cấp quản lý nhận diện được những nhân viên tiềm năng để đưa vào quy hoạch đội ngũ kế thừa, đồng thời lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên. Đây cũng là cơ sở để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp.

Chính sách đào tạo và phát triển

Đào tạo và phát triển nhân viên luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nhằm nâng cao năng lực cá nhân của nhân viên, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong tương lai.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng cấp nhân viên và yêu cầu năng lực đối với từng vị trí, Công ty có những hình thức đào tạo như:

- Cử nhân viên đi đào tạo về chuyên môn ở trong và ngoài nước;
- Đào tạo tập trung các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc cho nhân viên;
- Tổ chức hội thảo chuyên đề trong nội bộ Công ty và kết hợp với sự hỗ trợ của các nhà cung cấp, nhà sản xuất trong và ngoài nước.
- Lập các dự án nghiên cứu kỹ thuật có tính ứng dụng cao để vừa đào tạo vừa áp dụng vào thực tiễn công việc;
- Cử người phụ trách kèm cặp nhân viên mới và huấn luyện trong công việc;
- Luân chuyển nhân viên trong nội bộ hoặc cử đến các dự án của Công ty và đối tác của Công ty ở Nhật Bản để đào tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty khuyến khích nhân viên chủ động đề xuất với Phòng Nhân sự và cấp quản lý để được chuyển sang làm công việc khác và/hoặc bộ phận khác nếu thấy thích thú hoặc phù hợp hơn với công việc/bộ phận đó.

Chính sách thâm niên

Nhân viên làm việc liên tục tại Công ty từ năm thứ năm trở đi được hưởng chế độ thâm niên và nhiều chế độ ưu đãi khác. Nhân viên được điều chuyển sang làm việc cho đơn vị thành viên của Công ty (Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, v.v...) hoặc ngược lại thì thời gian làm việc tại Công ty hoặc tại các đơn vị thành viên của Công ty vẫn được tính vào thâm niên làm việc của nhân viên.

Chính sách Khen thưởng

Công ty có các hình thức khen thưởng sau:

- Lương tháng 13;
- Thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh (lương năng suất) theo đóng góp của nhân viên và thành tích của đơn vị;
- Thưởng đột xuất cho nhân viên khi đạt được các thành tích xuất sắc và/hoặc làm lợi cho Công ty;
- Thưởng cho tập thể lao động giỏi, cá nhân tiêu biểu;
- Thưởng cho cán bộ quản lý lãnh đạo theo mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh hàng năm;
- Chương trình bán cổ phiếu với giá ưu đãi cho nhân viên.



Chính sách tiền lương

Công ty đang áp dụng chính sách trả lương theo nguyên tắc 3Ps đảm bảo công bằng và cạnh tranh trên thị trường:

- Vị trí công việc (Position)
- Năng lực cá nhân (Personal)
- Kết quả công việc (Performance)

Việc xem xét tăng lương sẽ được thực hiện hàng năm đối với tất cả nhân viên. Nhân viên có thành tích xuất sắc nổi bật hoặc đảm đương thêm trách nhiệm/công việc có thể được điều chỉnh lương trước thời hạn. Mức tăng lương tùy thuộc vào kết quả đánh giá thành tích nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty.



Chính sách Phúc lợi

Nổi bật tại Công ty là chính sách phúc lợi khá toàn diện. Nhân viên Công ty được hưởng các chế độ phúc lợi sau đây (bằng hiện kim hoặc quà tặng có giá trị):

- Du lịch nghỉ mát hàng năm (trong nước hoặc nước ngoài);
- Mừng sinh nhật;
- Mừng kết hôn;
- Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 (dành cho nhân viên nữ);
- Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 (cho các cháu là con của nhân viên);
- Ngày Trung thu;
- Khen thưởng cho con của nhân viên có thành tích học tập, phong trào;
- Thăm hỏi nhân viên khi ốm đau, sinh nở, tai nạn, tang gia;
- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho nhân viên khi gặp khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống;
- Tổ chức sân tập thể thao (tennis, cầu lông, bóng đá, gym, v.v...) cho nhân viên tập luyện một tuần 03 buổi theo sở thích.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động team building cho nhân viên để rèn luyện kỹ năng và tinh thần đồng đội; các hoạt động từ thiện, cộng đồng xã hội vì mục đích cao đẹp.



Chính sách bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe

Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên theo quy định của Nhà nước. Nhân viên của Công ty còn được hưởng các chế độ bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe sau đây:

- Khám sức khỏe và xét nghiệm kiểm tra bệnh tật định kỳ mỗi năm/lần tại các cơ sở y tế có uy tín;
- Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn 24/24h;
- Bảo hiểm khi đi công tác nước ngoài;
- Bảo hiểm đặc biệt dành cho cán bộ quản lý và người thân.

3. Các khoản đầu tư trong năm

Dự án đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất panel sử dụng HCFC-141b sang công nghệ sử dụng cyclopentane để loại trừ các chất HCFC (Dự án đầu tư thuộc SEAREE - Chi nhánh của Công ty và tại ARICO – Công ty con);

Đây là dự án đầu tư chuyển đổi dây chuyền sản xuất Panel theo công nghệ Cyclopentane để giảm thiểu tác động đến môi trường. Dự án này được tài trợ bởi Ngân hàng thế giới (WB) và nguồn vốn đối ứng của Công ty dùng để cải tạo nhà xưởng phục vụ cho dây chuyền mới này. Theo kế hoạch, dự án đã được thực hiện từ năm 2015 và sẽ được tiếp tục triển khai trong năm 2016;

Năm 2015, HĐQT đã phê duyệt chủ trương đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị kỹ thuật công nghệ cao cho Nhà máy cơ điện thuộc ARICO (công ty con) nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến thẩm mỹ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng và tiết giảm giá thành. Ngoài ra Công ty còn hướng đến việc phát triển sản phẩm mới, phát triển thị trường sang các lĩnh vực khác như thực phẩm, bia, nước giải khát, v.v...

Đầu tư, góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Nước Quốc Tế ("INWATEK"), hoạt động chính của INWATEK là bán buôn máy móc, thiết bị trong ngành sản xuất nước, lắp đặt hệ thống xử lý và khai thác nước sạch.



4. Một số chỉ tiêu tóm tắt tài chính của Công ty con, Công ty liên kết

Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO)

Chỉ tiêu	2015 (Tỷ đồng)
Doanh thu	216,45
LNTT	5,07
LNST	4,34
Tài sản	233,30
Vốn điều lệ	70,00

CÔNG TY LIÊN KẾT

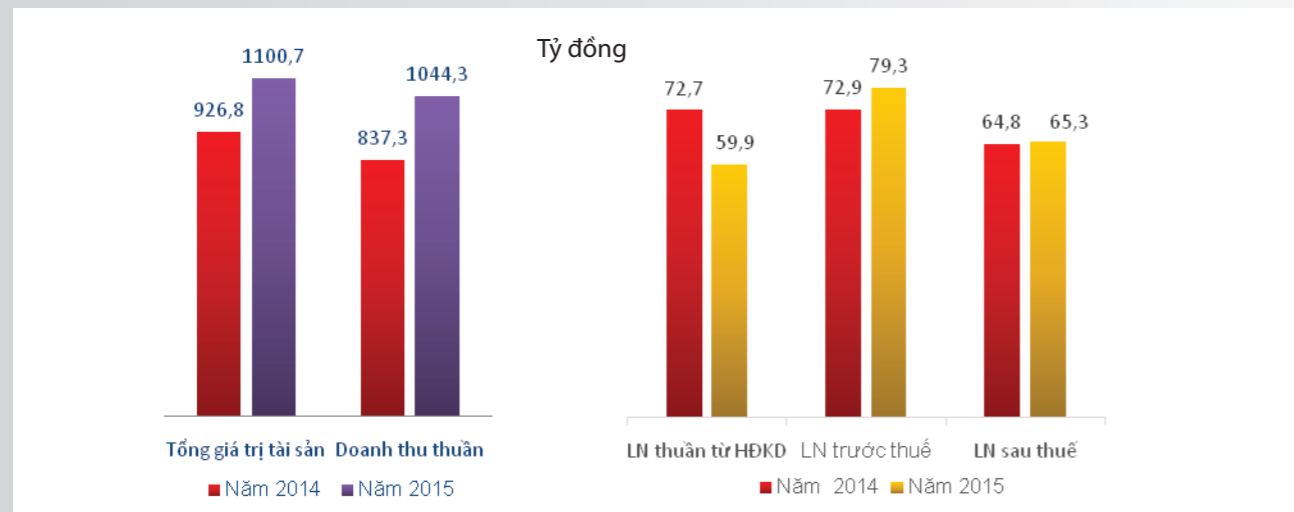
Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thừa Thiên Huế

Chỉ tiêu	2015 (Tỷ đồng)
Doanh thu thuần	401,70
LNTT	62,19
LNST	53,16
LNST thuộc CĐ thiểu số	3,27
LNST thuộc Công ty mẹ	49,89
Tài sản	650,69

Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% so với cùng kỳ
Tổng tài sản	926,77	1.100,66	118,64%
Doanh thu thuần	837,28	1.044,28	124,72%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	72,72	59,93	82,41%
Lợi nhuận khác	0,18	19,37	10.487,43%
Lợi nhuận trước thuế	72,91	79,31	108,78%
Lợi nhuận sau thuế	64,77	65,34	99,03%



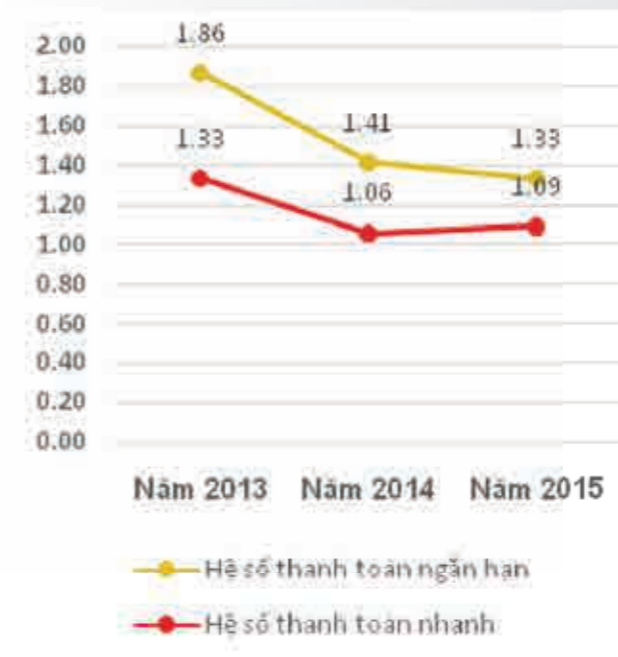
Cùng với về sự tăng trưởng trở lại của nền kinh tế Việt Nam và đà tăng trưởng của các năm trước, trong năm 2015 Công ty có sự tăng trưởng đáng kể cả về Tổng tài sản và Doanh thu thuần. Cụ thể:

Tổng tài sản hợp nhất năm 2015 đạt 1.100,7 tỷ đồng, tăng 173,89 tỷ đồng tương ứng 18,76% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản tiền gửi có kỳ hạn trong năm tăng mạnh với tổng giá trị 355 tỷ, tăng 125 tỷ (tương ứng tăng 54,42%) so với năm 2014. Bên cạnh đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết tăng 21,16% do tăng từ lợi nhuận trong năm; khoản phải thu khách hàng cũng tăng đáng kể với mức tăng 12,63%.

So với cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần hợp nhất năm 2015 đạt 1.044,28 tỷ đồng, tăng 206,99 tỷ đồng, tương ứng với 24,72%. Trong đó, mảng M&E của toàn Công ty đạt 751,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 71,96% trong doanh thu, kể đến là lĩnh vực công nghiệp lạnh đạt 275,5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 26,39% doanh thu.

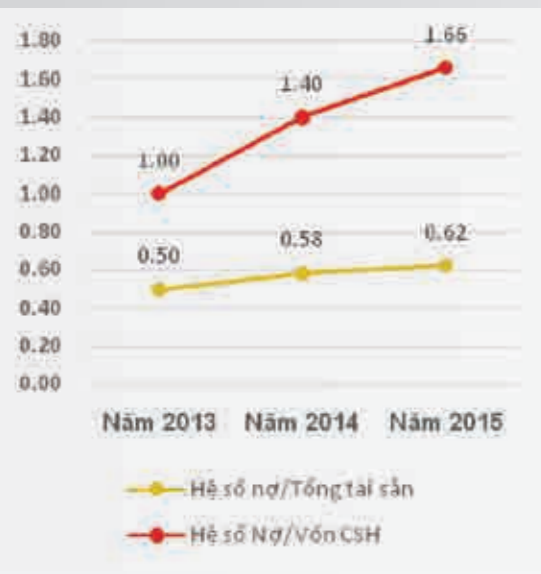
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,41	1,33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,06	1,09
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,58	0,62
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,40	1,66
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,90	5,13
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	1,01	1,03
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,74	6,26
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,25	16,32
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	7,82	6,45
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,35	4,05



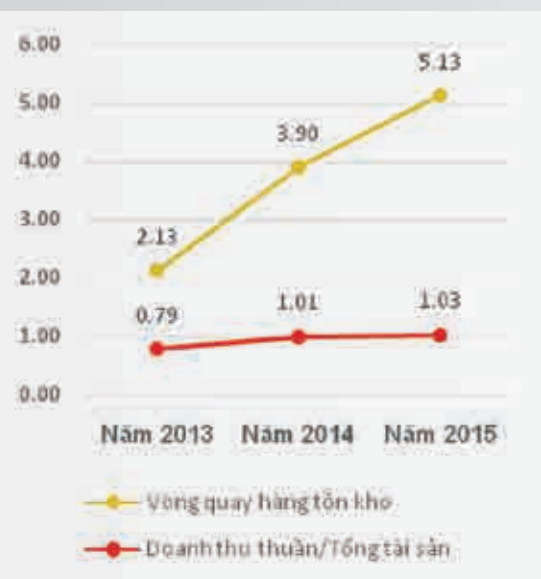
Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2015 lần lượt duy trì ở mức 1,33 và 1,09, giảm nhẹ so với mức 1,41 và 1,06 năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản vay tài chính ngắn hạn tăng 42,05%. Nhìn chung, hệ số thanh toán của Công ty luôn duy trì lớn hơn 1 nên khả năng thanh toán luôn được đảm bảo. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì lượng tiền mặt hợp lý để có thể chủ động hoạt động thanh toán hàng ngày và các khoản nợ đến hạn.



Mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu năm 2015 đang duy trì ở mức 62,38% và 165,79%. Đây là cơ cấu nguồn vốn khá cân đối và ổn định so với các doanh nghiệp cùng ngành. So với năm 2014, mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty tăng là do trong năm Công ty đã vay ngắn hạn thêm 104,85 tỷ đồng, tương ứng tăng 42,05% so với khoản vay năm 2014 để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đang sử dụng khoản nợ phải trả ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn nhiều hơn là sử dụng Vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính là phù hợp và đảm bảo an toàn.

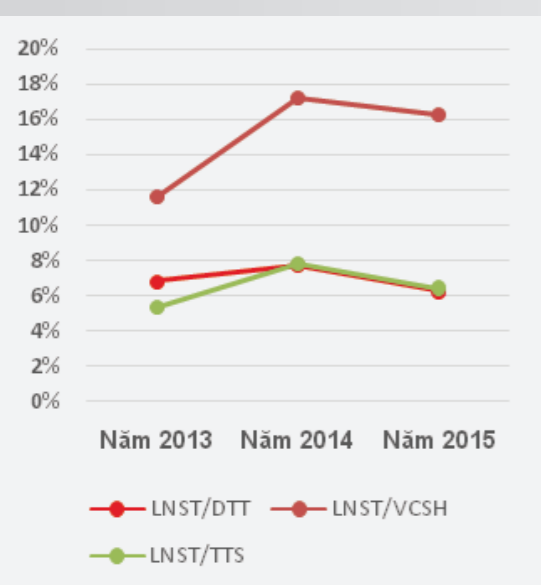


Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2015 đạt 5,13 lần, tăng mạnh so với mức 3,9 lần năm 2014. Vòng quay hàng tồn kho tăng thể hiện Công ty đang hoạt động ngày càng hiệu quả, giảm được chi phí sử dụng vốn cho hàng tồn kho. Bên cạnh đó, vòng quay tài sản năm 2015 đạt 1,03, tăng nhẹ so với mức 1,01 năm 2014 cho thấy doanh nghiệp ngày càng sử dụng tài sản hiệu quả hơn.

Khả năng sinh lời

Tỷ số về khả năng sinh lời năm 2015 đều giảm nhẹ so với năm 2014, cụ thể Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần; ROE; ROA đang lần lượt duy trì ở mức 6,26%; 4,05%; 16,32%; 6,45%. Tốc độ tăng lợi nhuận chậm hơn tốc độ tăng doanh thu do trong năm 2015 Công ty phát sinh một số chi phí lớn để đầu tư cho việc thay đổi cơ cấu tổ chức và củng cố nguồn nhân lực, tạo đà phát triển cho giai đoạn sau. Ngoài ra Công ty cũng đã đầu tư vào việc nâng cao chất lượng công trình để gia tăng sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ của Công ty.



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần	: 24.374.916 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng
Số cổ phần ưu đãi	: không có
Số cổ phần phổ thông	: 24.374.916 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành	: 24.361.876 cổ phần
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	: 24.374.916 cổ phần
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: không có

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 18/02/2016

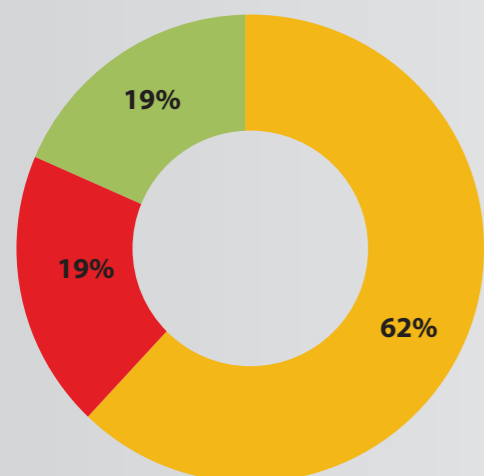
Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sở hữu trên 5%	9.009.021	36,98%	6.074.630	24,93%	15.083.651	61,91%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	3.763.176	15,45%	717.920	2,95%	4.741.592	19,46%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	4.675.454	19,19%	121.675	0,50%	4.536.633	18,62%
Tổng cộng	17.447.651	71,62%	6.914.225	28,38%	24.361.876	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

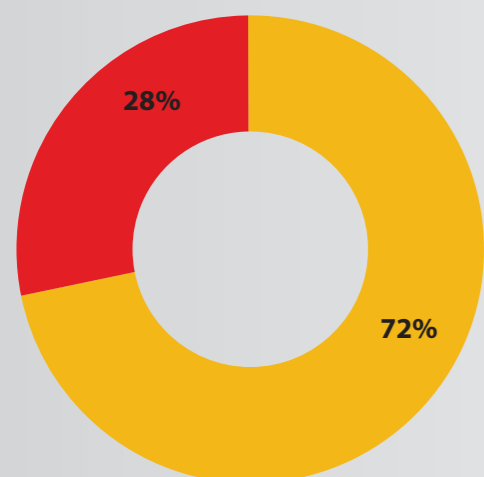
Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	17.447.651	71,62%
Cá nhân	8.319.466	34,15%
Tổ chức	9.128.185	37,47%
Cổ đông nước ngoài	6.914.225	28,38%
Cá nhân	101.085	0,41%
Tổ chức	6.813.140	27,97%
Tổng cộng	24.361.876	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo các hình thức phân loại



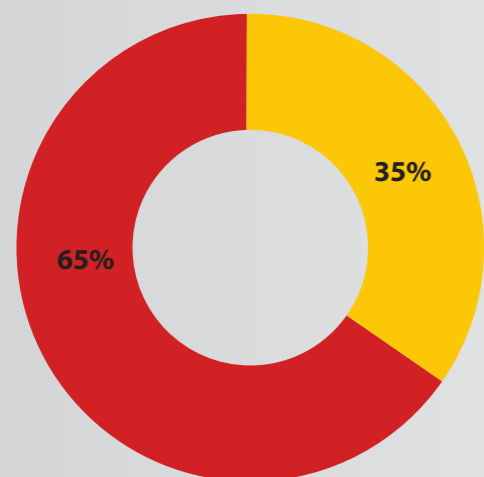
Theo tỷ lệ sở hữu

- Cổ đông sở hữu trên 5%
- Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%
- Cổ đông sở hữu dưới 1%



Theo đối tượng

- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài



Theo loại hình đăng ký sở hữu

- Cá nhân
- Tổ chức

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Taisei Oncho Co., Ltd	CA6347	1-47-1 Oi, Shinagawa-ku, Tokyo	6.074.630	24,9%
Công ty Cổ phần Sao Phương Nam	0302578647	72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.	5.895.021	24,2%
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam	0310745210	2-4-6 Đồng Khởi, Q.1, Tp.HCM	3.114.000	12,8%
Tổng cộng			15.083.651	61,9%

Trong năm 2015, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam đã bán 1.195.400 cổ phiếu cho TAISEI ONCHO CO., LTD, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 102.100 cổ phiếu và không còn là cổ đông lớn.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm 2015, Công ty đã có những biện pháp để quản lý và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào dùng trong sản xuất với tỷ lệ tiết kiệm tương ứng là 0,5% giá trị vật tư sản xuất thông qua các biện pháp như cải tiến công tác thiết kế; kiểm soát tỷ lệ hao hụt vật tư phụ trong thi công lắp đặt công trình và tỷ lệ này đã giảm từ 3-5% tùy loại. Đầu tư các máy móc thiết bị mới (máy cắt laser, máy chấn CNC,...) và sử dụng công nghệ sheet metal trong gia công, chế tạo sản phẩm, giảm hao hụt nguyên vật liệu, sản phẩm lắp ráp và vận hành đơn giản, giảm chi phí vận hành và bảo trì thiết bị cho khách hàng.

Tiêu thụ năng lượng

Searefico đã ứng dụng công nghệ thiết kế tiên tiến nhằm đưa đến giải pháp tiết kiệm năng lượng cho khách hàng như:

Thiết kế hệ thống lạnh kiểu Booster thay thế cho các hệ thống lạnh kiểu Compound đối với các hệ thống lạnh công suất lớn mang đến sự tiết kiệm điện năng khi vận hành đến 20%.

Áp dụng công nghệ inverter (biến tần) dùng để điều khiển công suất máy nén lạnh kiểu piston/trục vít tiết kiệm điện năng, tăng hệ số COP (công suất lạnh/công suất điện), áp dụng vào các băng tải, quạt gió dàn lạnh của thiết bị cấp đông sản phẩm dạng rời (IQF) giúp khách hàng có thể cấp đông sản phẩm với nhiều kích cỡ khác nhau, tiết kiệm chi phí đầu tư thiết bị và tiết kiệm điện năng trong vận hành.



Searefico đã cải tiến thay đổi thiết kế ngày càng hoàn thiện và được khách hàng tín nhiệm. Ví dụ như: ứng dụng công nghệ tầng sôi (fluidized technology), công nghệ cấp đông siêu tốc (Impingement technology) vào việc sản xuất các thiết bị cấp đông sản phẩm dạng rời (IQF - Individual Quick Freezer) dùng cho ngành sản xuất rau củ quả và chế biến thủy hải sản, giảm 50% tỷ lệ hao hụt, giảm thời gian cấp đông và tăng công suất cấp đông, tăng chất lượng sản phẩm so với cấp đông bằng hầm đông gió và các thiết bị cấp đông thường; tích hợp thiết bị điều khiển nhiệt độ và kiểm soát hơi tối ưu vào thiết bị hấp làm mát, đảm bảo quá trình hấp/ luộc sản phẩm (tôm) có tỷ lệ hao hụt thấp nhất so với sản phẩm của các nhà cung cấp trong và ngoài nước.

Hệ thống quản lý nhà máy (SCADA/FMS) cung cấp cho người sử dụng các công cụ phân tích, đánh giá (Process Analyst) hoạt động của các thiết bị nhằm đưa ra các giải pháp/ lịch trình (schedule) vận hành tối ưu nhất về mặt điện năng, chi phí vận hành và giảm thiểu sự cố.

Searefico đã có nhiều hoạt động R&D để thực hiện các thiết kế "xanh" trong hệ thống M&E các toà nhà cao tầng, tư vấn hỗ trợ khách hàng sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, đề xuất phương án thay thế tối ưu hoá hệ thống nâng cao hiệu suất sử dụng, giảm chi phí tiêu thụ điện năng trong quá trình vận hành.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Các sản phẩm Công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo các tiêu chí an toàn cho môi trường và hướng đến thiết kế xanh giảm tác động đến môi trường và tầng ôzôn.

Năm 2015, Công ty thực hiện việc đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất panel sử dụng HCFC-141b sang công nghệ sử dụng cyclopentane để loại trừ các chất HCFC có ảnh hưởng đến tầng Ozon, giảm thiểu tác động đến môi trường. Dự án này được tài trợ bởi Ngân hàng thế giới (WB).

Searefico luôn tư vấn, cung cấp cho khách hàng các hệ thống lạnh lớn sử dụng môi chất lạnh NH3 thay thế cho môi chất lạnh HCFC (R22) có hại cho tầng Ozon theo công ước của Liên hiệp quốc. Áp dụng công nghệ MES (Minimum Energy System) vào thiết kế hệ thống lạnh công suất lớn nhưng lại tối ưu hóa lượng môi chất lạnh sử dụng, đảm bảo giảm chi phí đầu tư và tuân thủ các qui định về sử dụng lượng môi chất tối thiểu cho phép.

Trách nhiệm đối với người lao động

Công ty luôn tuân thủ, đảm bảo đầy đủ các chế độ cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, v.v... theo quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty rất chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho CBCNV như sau: Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện về An Toàn Vệ Sinh Lao Động (ATVSLĐ) cho người lao động làm việc tại các công trường; tổ chức Ban ATVSLĐ kết hợp với đơn vị giám sát ATVSLĐ bên ngoài để triển khai và kiểm tra công tác ATVSLĐ tại công trường; hàng năm Công ty mua Bảo hiểm tai nạn 24/24h kết hợp với bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV với giá trị bồi thường lên đến 300 triệu đồng/trường hợp.

Với nhận thức “người lao động là tài sản quý giá nhất của Công ty”, nên ngoài chính sách tiền lương cạnh tranh với thị trường, chế độ phụ cấp linh hoạt và thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm có thể lên đến 5 tháng lương, Công ty còn quan tâm chăm lo đến đời sống của CBCNV với nhiều hình thức: tài trợ trọn gói cho CBCNV tập gym tại California Yoga & Fitness; thành lập và tài trợ tập luyện cho các CLB bóng đá, cầu lông, quần vợt của Công ty; hỗ trợ viện phí cho CBCNV khi nằm viện; trao học bổng cho con em CBCNV có hoàn cảnh khó khăn... Đặc biệt với chính sách giúp nhân viên phát triển trong nghề nghiệp, gắn bó với Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, Công ty còn có nhiều chương trình đào tạo và huấn luyện trong và ngoài nước phù hợp cho từng cá nhân CBCNV.

Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho CBCNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm thông qua công việc, các hình thức đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức ở trong và ngoài nước. Toàn bộ chương trình đào tạo đều được công ty tài trợ 100% học phí. Đào tạo lực lượng quản lý và nhân viên tiềm năng trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn của Công ty.

Mức lương trung bình của người lao động

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2012	9.000.000
2	2013	11.000.000
3	2014	12.000.000
4	2015	13.500.000

Số giờ đào tạo trong năm

Đối với người lao động gián tiếp: bình quân 16h/người/năm

Đối với người lao động trực tiếp: Công ty tổ chức đào tạo hàng năm và thi nâng cấp thợ 2 năm/lần.



Thành lập CLB là ước mơ, tạo cơ hội và môi trường thuận lợi để thế hệ trẻ của Searefico rèn luyện trở thành những nhà lãnh đạo tài năng trong tương lai, tự tin kế thừa thay thế thế hệ đi trước và đào tạo dẫn dắt các thế hệ kế tiếp vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, đồng thời làm gia tăng giá trị của các hoạt động quản trị nhân sự của Công ty

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Tháng 4/2015, CLB Lãnh đạo tiềm năng (SPLC) phối hợp cùng tổ chức Southeast Asia Healthcare Partner (SEAHP) đã lắp đặt và vận hành thành công 15 chiếc tivi LCD cho dự án hệ thống thông tin âm thanh hình ảnh của trung tâm ung bướu, bệnh viện Chợ Rẫy với tổng giá trị hơn 150 triệu đồng. Với dự án này, việc thể hiện các thông tin như hướng dẫn khám bệnh, lịch khám, các thông báo của bệnh viện sẽ thuận tiện và nhanh chóng hơn đến mọi bệnh nhân.



Ngoài ra, tháng 10/2015, SPLC tiếp tục phối hợp cùng SEAHP để xây dựng hệ thống nhà vệ sinh đạt chuẩn cho học sinh trường tiểu học An Thới Đông, huyện Cần Giờ. Một nhà vệ sinh đạt chuẩn là điều kiện thiết yếu để đảm bảo sức khỏe cho trẻ, đặc biệt là khi trẻ ở trường, nơi trẻ dành phần lớn thời gian trong tuần để học tập và rèn luyện. Sau gần 01 tháng thi công, hệ thống nhà vệ sinh sạch sẽ, khang trang sẽ giúp trẻ em nơi đây không còn nỗi sợ phải đi vệ sinh và tránh được các bệnh gây ra từ vi khuẩn như bệnh tiêu hóa, bệnh tay chân miệng, viêm gan A...

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tình hình tài chính

3. Những cải tiến về quản lý

4. Kế hoạch phát triển

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với kiểm toán

2015

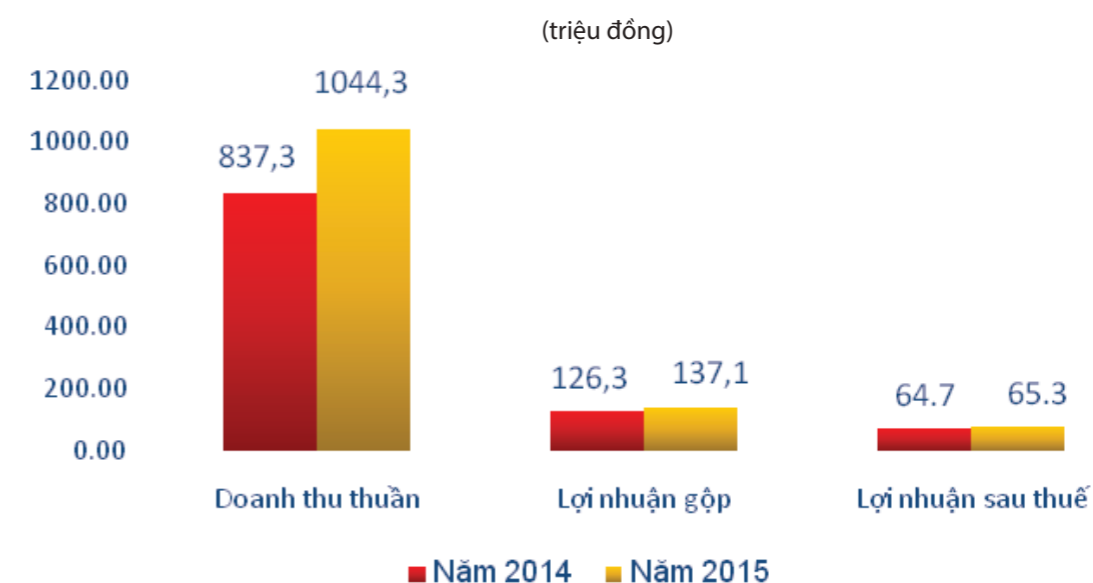


III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

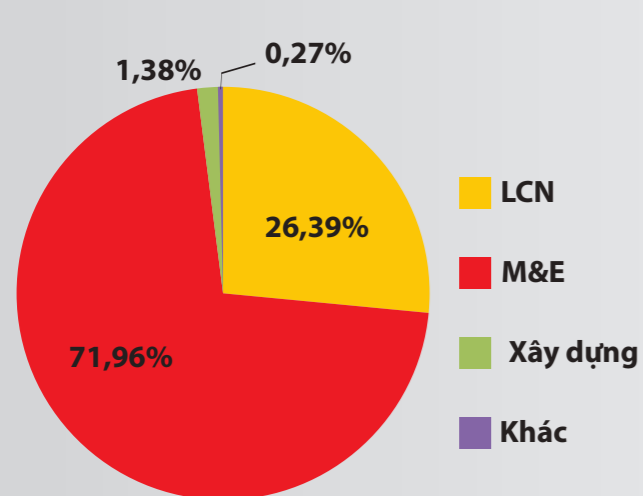
Đánh giá tổng quan hoạt động kinh doanh 2015

Năm 2015, với sự khởi sắc của nền kinh tế nói chung và lĩnh vực Bất động sản nói riêng, Công ty đã đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và lần đầu tiên vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng với mức 1.044,3 tỷ đồng, tăng 24,72% so với năm 2014. Trong đó, mảng M&E đạt 751,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 71,96% tổng doanh thu; kể đến là mảng lạnh công nghiệp với mức 275,5 tỷ đồng, đóng góp 26,39% trong tổng doanh thu.

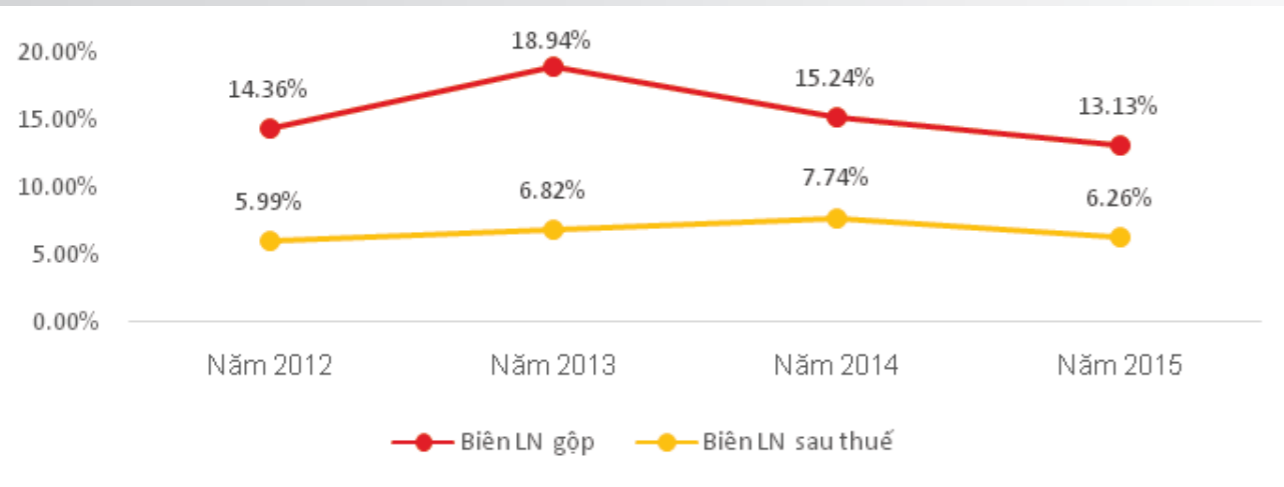
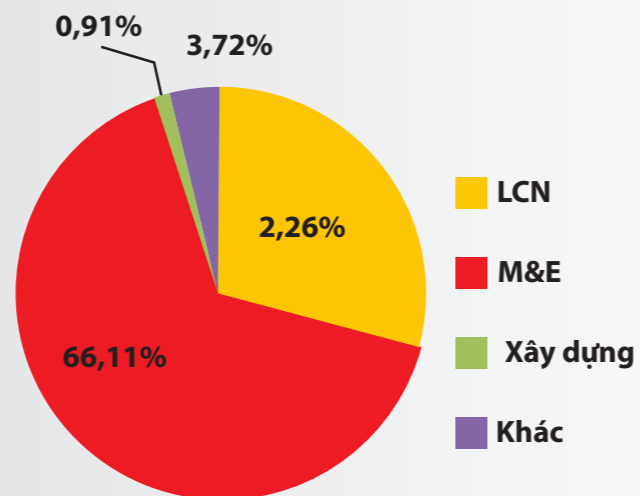


Về cơ cấu lợi nhuận gộp, hoạt động M&E đạt 90,6 tỷ đồng, đóng góp 66,11% trong tổng lợi nhuận gộp, kể đến là hoạt động lạnh công nghiệp, với tỷ trọng 29,26%. Trong các năm qua, giá vốn và chi phí khác chiếm tỷ lệ khá cao trong doanh thu thuần, để cải thiện tỷ suất sinh lời, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm kiểm soát chi phí đầu vào như: đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý ngân sách dự án, thành lập Phòng CCM, Trung tâm mua hàng tập trung. Đồng thời, Công ty tăng cường kiểm soát chất lượng công trình với sự hỗ trợ của chuyên gia Nhật Bản, bổ sung nguồn lực cho bộ phận T&C, phát triển bộ phận R&D nhằm nghiên cứu phát triển sản phẩm và công nghệ mới, tái cấu trúc hoạt động quản lý dự án tại Arico. Các khoản công nợ phải thu được quản lý chặt chẽ hơn nhằm giảm thiểu các khoản phải thu quá hạn, từ đó giảm được chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi. Lợi nhuận sau thuế đạt 65,34 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Những kết quả ấn tượng trên đây sẽ tiếp tục tạo động lực cho tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên không ngừng phấn đấu để chinh phục các đỉnh cao mới, cụ thể là vượt qua cột mốc 2.000 tỷ đồng doanh thu trong năm 2018.

Cơ cấu doanh thu hợp nhất



Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất



Những thành tích công ty đã đạt được năm 2015

Về chiến lược phát triển sản phẩm

Trong năm Công ty đã quyết định đầu tư hơn 26 tỷ đồng mua sắm máy móc thiết bị tân tiến thế hệ CNC của hãng Amada để nâng cao chất lượng sản phẩm: đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất panel cách nhiệt; đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị kỹ thuật công nghệ cao cho Nhà máy cơ điện. Công ty cũng không ngừng nghiên cứu để phát triển sản phẩm mới, xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở cho hoạt động thi công lắp đặt (MOS), chuẩn hóa các thiết kế sản phẩm để chuẩn bị áp dụng ERP. Điểm nhấn quan trọng trong năm 2015 là có công trình Searefico rút ngắn được thời gian thi công lắp đặt chỉ còn một nửa và thời gian bảo hành được kéo dài gấp đôi, thành tích này làm cho khách hàng tin tưởng giao thêm dự án cho Công ty mà không phải qua đấu thầu.

Về cách thức quảng bá thương hiệu

Với sứ mệnh là “Không ngừng hoàn thiện để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ ngày càng tốt hơn”, Công ty đã khẳng định được tên tuổi của mình trên thương trường thông qua việc đem đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt hơn như: thiết kế và thi công trọn gói, sản phẩm thường xuyên được cải tiến, nhiều dịch vụ được cộng thêm như hỗ trợ đào tạo kỹ thuật viên cho bên A, hỗ trợ xem xét thiết kế (design review) do chuyên gia Nhật thực hiện, nhiều công trình rút ngắn được thời gian thi công nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, từ đó tiết kiệm chi phí cho Chủ đầu tư.

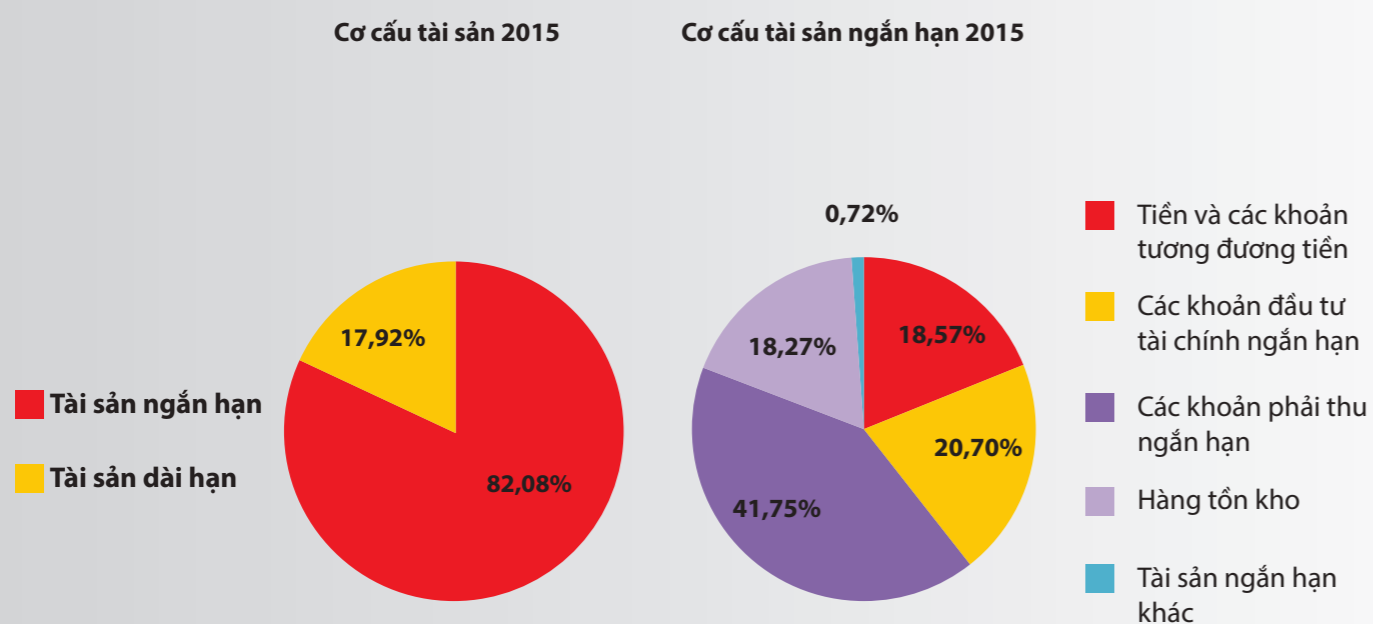
Công ty luôn chú trọng xây dựng hình ảnh qua việc tổ chức thi công và quản lý chuyên nghiệp, thực hiện 5S tại công trường, gắn biển báo an toàn lao động, bảo hộ lao động, đảm bảo công trình thi công đúng tiến độ, đạt chất lượng cam kết với khách hàng. Ở mảng Lạnh công nghiệp, Công ty cũng được đánh giá cao nhờ khả năng tư vấn cho khách hàng những giải pháp công nghệ tiết kiệm điện năng, giảm hao hụt trong quá trình cấp đông, bảo quản và chế biến sản phẩm.



2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn năm 2015 đang duy trì ở mức 82,08% và 17,92%. Cơ cấu này không có sự biến động nhiều so với các năm trước cho thấy sự ổn định trong hoạt động của Công ty. Đây là cơ cấu phù hợp với Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ xây lắp.

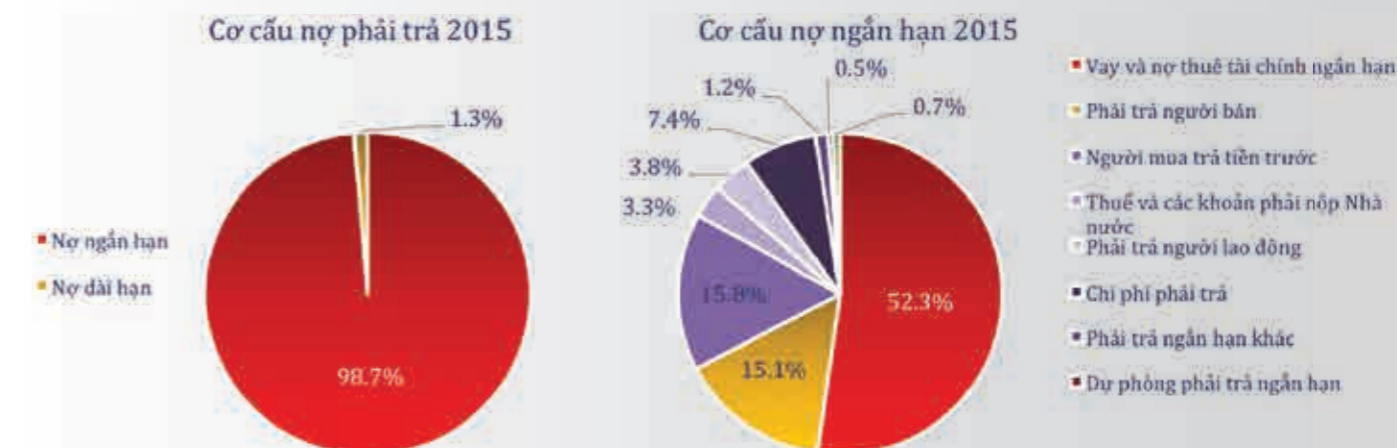


Trong tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu chiếm tỷ trọng chủ yếu, với 377 tỷ đồng, chiếm 41,75% trong tổng tài sản ngắn hạn, chủ yếu là do các khoản công nợ phát sinh vào thời điểm cuối năm chưa đến hạn thu hồi theo điều kiện hợp đồng.

Các khoản tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn) với tổng giá trị 354,7 tỷ, chiếm tỷ lệ 39,26% trong tổng tài sản ngắn hạn do tăng 125 tỷ đồng tiền gửi ngân hàng. Hàng tồn kho, chiếm đến 18,27% trong tổng tài sản ngắn hạn mà chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khi Searefico thường xuyên phát sinh các hợp đồng dịch vụ xây lắp có giá trị lớn với thời gian dài.

Tình hình nợ phải trả

Với đặc thù hoạt động của Công ty, nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn. Năm 2015, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 62,38% trong tổng nguồn vốn, tăng nhẹ so với mức 58,29% của năm 2014. Cơ cấu nợ ngắn hạn và dài hạn năm 2015 đang duy trì ở mức 98,66% và 1,34% trong tổng nợ phải trả, Công ty đang sử dụng nguồn nợ ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn. Trong nợ ngắn hạn thì chủ yếu là nợ vay ngân hàng (chiếm tỷ trọng 52,3%), các khoản phải trả nhà cung cấp và người mua trả tiền trước lần lượt chiếm 15,06% và 15,78%.



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải cách về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2015 Công ty thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức với một số điểm đáng chú ý như sau: Thành lập Khối M&E (MED), Khối Kinh doanh quốc tế (MEI) và hai Văn phòng đại diện mới là văn phòng đại diện tại Hà Nội và văn phòng đại diện tại Phú Quốc nhằm đón bắt thị trường bất động sản đang trên đà hồi phục, mở rộng quy mô, địa bàn hoạt động từ Bắc đến Nam, nhanh chóng tham gia vào thị trường Phú Quốc đầy tiềm năng. Mục tiêu là đạt mức doanh thu 2.000 tỷ vào năm 2018.

Thành lập bộ phận kiểm soát chi phí và quản lý hợp đồng (CCM): Kiểm soát tốt chi phí đầu vào, đảm bảo giá mua vật tư, thiết bị, dịch vụ (thuê thầu phụ và thuê các dịch vụ bên ngoài khác) là tốt nhất.

Thành lập Trung tâm mua hàng: Thực hiện việc mua hàng tập trung cho tất cả các đơn vị của Công ty, đảm bảo mua hàng với giá cả và chất lượng tốt nhất, góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và lợi ích cho cổ đông.

Tái cấu trúc lại Bộ phận Kỹ thuật công nghệ: Nghiên cứu phát triển sản phẩm, áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào việc thi công và quản lý dự án, chuẩn hóa các tiêu chuẩn lắp đặt (như BIM, MOS...)

Tập trung bộ phận Bảo trì và T&C về Công ty mẹ, hoàn thiện quy trình Technical Audit của Công ty mẹ, nâng cao vai trò quản lý chất lượng (QA/QC) và quản lý khối lượng (QS) tại dự án, nâng cao vai trò của QMR Công ty mẹ.

Kiện toàn bộ máy kiểm soát nội bộ theo hướng độc lập và chuyên nghiệp hóa.

Chính sách quản lý điều hành

Trên tinh thần One Searefco, xây dựng và chuẩn hóa tất cả các quy trình hoạt động, quy trình ISO, chính sách nhân sự, v.v... để áp dụng nhất quán trong tất cả các đơn vị thành viên, bao gồm chi nhánh và công ty con. Điều này phục vụ công tác điều hành được thuận tiện, tối ưu hóa nguồn lực và giúp cho việc kiểm soát tuân thủ dễ dàng hơn. Bộ phận kiểm soát nội bộ sẽ tăng cường phối hợp với Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra nhằm kiểm soát hoạt động, kiểm tra tính tuân thủ, đảm bảo sự minh bạch của Công ty.

Xây dựng chính sách nhân sự phù hợp, cạnh tranh để đạt được thương hiệu nhà tuyển dụng hàng đầu với mục tiêu Searefco lọt vào bảng xếp hạng 100 nơi làm việc tốt nhất tại Việt Nam chậm nhất là năm 2018.

Đứng trước cơ hội rất lớn như hiện nay, Công ty tập trung chuẩn bị nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống thông tin quản trị (MAS) theo tiêu chuẩn quốc tế và triển khai hệ thống quản trị nguồn lực (ERP) nhằm đáp ứng tốc độ phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với nội lực ngày càng vững mạnh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đã thống nhất đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho năm 2016 như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016
1	Doanh số ký hợp đồng	1.700
2	Doanh thu thực hiện	1.400
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	70
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	60
5	Cổ tức dự kiến (% mệnh giá)	Tối thiểu 15% mệnh giá

Để đạt được kế hoạch đề ra, Ban Giám đốc Công ty cũng có các chương trình, nội dung cụ thể đối với từng mảng hoạt động của Công ty như:

Đối với Công ty con: Công ty tập trung cải tổ bộ máy, chọn đúng người, giao đúng việc, nâng cao văn hoá hợp tác, tạo mọi điều kiện cho nhân viên giỏi phát triển nghề nghiệp;

Tiếp tục thay đổi phương thức quản lý thi công của Searee Đà Nẵng, đổi mới tư duy nhân sự để khai phóng mọi tiềm năng của đội ngũ, mở rộng thị phần cả nước, mục tiêu tạo ra tăng trưởng nhanh về doanh thu và lợi nhuận;

Nâng cao tỷ lệ thắng thầu của các đơn vị thành viên và toàn công ty;

Nâng cao tỷ lệ lợi nhuận trên vốn của các đơn vị thành viên và Công ty mẹ;

Tách bạch chức năng điều hành và kiểm soát, thực hiện và đánh giá. Mục tiêu là cải tiến cơ chế chính sách, nâng cao chất lượng sản phẩm và công trình, bảo đảm tính tuân thủ và thúc đẩy quá trình liên tục cải tiến;

"Luật hoá" các quy định để bảo đảm tính minh bạch trong mọi hoạt động;

Tăng cường chức năng quản lý, kiểm tra, hỗ trợ và hoạch định chính sách của công ty mẹ (cooperate governance); công ty mẹ tập trung vào quản trị chiến lược và kiến tạo phát triển, khai phóng mọi tiềm năng của các đơn vị thành viên;

Hoàn thiện hệ thống quản trị dựa trên hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin; áp dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến, phù hợp với các thông lệ quản lý tốt nhằm mục tiêu tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá hoạt động công ty

2. Đánh giá ban giám đốc

3. Các kế hoạch, định hướng

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2015, kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, kinh tế Việt Nam là một trong những nước trong khu vực ít chịu ảnh hưởng tiêu cực từ kinh tế thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm nay tăng trưởng 6,5%, vượt mục tiêu 6,2% đề ra từ đầu năm và đạt cao nhất trong 5 năm qua. Trong tình hình thị trường thuận lợi đó, Searefico đã đạt được những kết quả ấn tượng, cụ thể như sau:

Lần đầu tiên doanh số toàn Công ty đạt 1.044 tỷ đồng, vượt mốc 1.000 tỷ, HĐQT đánh giá cao những nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty trong năm qua. Với kết quả này HĐQT hoàn tin tưởng Công ty có thể đạt mục tiêu doanh thu 2.000 tỷ đồng vào năm 2018 và có thể đến sớm hơn nếu thị trường thuận lợi

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2015 đạt hơn 79,3 tỷ đồng vượt 30% kế hoạch, nếu không tính đến lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng bất động sản thì lợi nhuận SXKD đạt 98% kế hoạch.

Cổ tức dự kiến trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt là 20%/mệnh giá, với mức này thì tỷ lệ cổ tức tăng 67% so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước.

Tổng hợp một số chỉ tiêu hợp nhất chủ yếu:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	% so với cùng kỳ	% so với kế hoạch
Doanh thu thuần	837,28	1.150,00	1.044,28	124,72%	90,81%
Lợi nhuận trước thuế	72,90	61,00	79,31	108,78%	130,00%
Lợi nhuận sau thuế	64,77	54,00	65,34	100,87%	121,00%
Cổ tức (%/Mệnh giá)	12%	12%	20% (*)	166,67%	166,67%

(*) Tỷ lệ cổ tức theo tờ trình của HĐQT chờ ĐHĐCĐ phê duyệt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Những mặt làm được

Trong năm 2015, Ban Giám đốc đã thể hiện nỗ lực, tâm huyết để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường nguồn lực bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu 2018 và những năm tiếp theo. Cụ thể, trong năm Ban Giám đốc đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận như sau:

Doanh thu vượt 1.000 tỷ đồng với tiến độ thi công các dự án rút ngắn chỉ bằng 1/2 so với các năm trước. Tập trung tăng cường quản trị Công ty: xây dựng và triển khai hệ thống quản lý ERP, thiết lập hệ thống dữ liệu thông tin quản trị MAS, quản trị chiến lược bằng công cụ BSC.

Thực hiện quy hoạch và phát triển nhân lực quản lý, xây dựng đội ngũ kế cận thông qua lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên WDP;

Công tác R&D đã được quan tâm chú trọng hơn các năm trước.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những mặt chưa làm được

Trong năm 2015, mặc dù đã nhận được sự hỗ trợ tận tình của đội ngũ Taisei Oncho về kỹ thuật, đào tạo, thương hiệu, nhưng Công ty vẫn chưa đạt được kết quả tương xứng với tiềm năng và mong đợi của hai bên

Việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự chưa đáp ứng được tốc độ tăng trưởng, nhu cầu phát triển của Công ty.

Việc chuẩn bị nhân sự kế thừa cấp cao tại một số đơn vị vẫn còn bị động.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018

Chiến lược kinh doanh thị trường

Đẩy mạnh hoạt động M&A với các doanh nghiệp ngành nghề tương tự; Đầu tư tài chính vào các khách hàng tiềm năng, nhà thầu phụ, nhà cung cấp chiến lược;

Tìm kiếm đối tác chiến lược để cộng hưởng sức mạnh, đa dạng hoá ngành nghề, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu SRF;

Tìm kiếm công nghệ tiên tiến để tạo ra những sản phẩm mang tính đột phá trong ngành chế biến thực phẩm, tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu.

Nâng cao năng lực Quản lý dự án và phân phối sản phẩm

Hợp tác với các nhà cung cấp, nhà thầu chính và đối tác chiến lược, tham gia các dự án EPC trọn gói và dự án Design & Build (D&B);

Tiếp tục ứng dụng một cách sâu rộng công nghệ quản lý dự án BIM, gia công lắp đặt cấu kiện sản xuất sẵn theo dạng module.

Kiểm soát tốt chi phí đầu vào thông qua kiểm soát chi phí mua hàng, giao thầu phụ, kiểm soát ngân sách dự án, quản trị rủi ro và quản lý thông tin dự án;

Cải tiến năng suất và chất lượng lao động bằng công cụ 5S, Kaizen của Nhật Bản trong toàn hệ thống.

Phát triển nhân lực

Kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp nhu cầu hoạt động và chiến lược phát triển dài hạn của toàn hệ thống Searefico.

Hoạch định và triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong toàn hệ thống Searefico nhằm đào tạo lực lượng kế cận và thu hút nhân tài thông qua các chương trình WDP, 3Ps, công cụ BSC.

Xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng hàng đầu, mục tiêu lọt vào top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam chậm nhất vào năm 2018.

Quản trị Công ty

Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình quản lý công ty mẹ - công ty con, kiện toàn bộ máy tổ chức, hoàn thiện các chức năng chuyên môn của công ty mẹ như quản trị chiến lược bằng công cụ BSC, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế;

Thiết lập hệ thống dữ liệu thông tin quản trị (MAS) xuyên suốt phục vụ công tác điều hành và quản lý ngân sách và cung cấp thông tin kịp thời minh bạch cho cổ đông và nhà đầu tư trên cơ sở ứng dụng công cụ ERP trong toàn hệ thống.

Nghiên cứu và phát triển

Hoạch định lộ trình phát triển công nghệ cao/mới cho các lĩnh vực truyền thống;

Thành lập bộ phận nghiên cứu phát triển của công ty mẹ để nghiên cứu đổi mới quản lý, áp dụng công nghệ thiết kế và thi công phù hợp với xu thế phát triển của thế giới theo hướng Digital Construction như BIM và IPD (Integrated Project Delivery);

Nghiên cứu thiết kế, sản xuất và thi công các sản phẩm và công trình theo công nghệ xanh, sạch, thân thiện với môi trường;

Tiếp tục triển khai dự án chuyển đổi công nghệ sản xuất panel Poly Urethane với tiêu chí Công nghệ xanh, sạch chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Hoàn thiện dự án đầu tư dây chuyền máy công cụ CNC cho nhà máy Cơ điện để đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất thiết bị xuất khẩu.

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

2. Ban kiểm soát

3. Các khoản giao dịch & thù lao

CÔNG TRÌNH SÀI GÒN PEARL



V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. Hội đồng Quản trị

Thành viên và Cơ cấu của Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Hữu Thịnh

Chủ tịch HĐQT
Quốc tịch: Việt Nam

Ông là một trong những cổ đông sáng lập Công ty.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng và có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành cơ điện lạnh và kinh qua nhiều vị trí quản lý, lãnh đạo Công ty.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:
816.878 cổ phần, chiếm 3,35% vốn điều lệ.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



Ông Lê Tấn Phước

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Quốc tịch: Việt Nam

Ông là một trong những cổ đông sáng lập Công ty.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, làm việc tại Công ty từ năm 1987 đến nay.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:
644.181 cổ phần, chiếm 2,64% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Xây lắp Thừa Thiên Huế, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



Ông Nguyễn Thanh Sơn

Thành viên Hội đồng quản trị
Quốc tịch: Việt Nam

Ông tốt nghiệp ngành điện tử vi mạch và có bằng Cử nhân kinh tế chuyên ngành Thương mại Quốc tế tại Praha – Cộng hòa Séc.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Sao Phương Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sao Phương Nam, Thành viên HĐQT Công ty CP Xây Lắp Thừa Thiên Huế, Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



Ông Nguyễn Thế Hưng

Thành viên Hội đồng quản trị
Quốc tịch: Việt Nam

Ông hiện là Phó Giám đốc phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM (VCCI HCM).

Ông tốt nghiệp ngành Quan hệ Quốc tế tại Trường Đại học Ngoại Giao.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu.



Ông Yoshinobu Tamura

Thành viên Hội đồng quản trị
Quốc tịch: Nhật Bản

Ông tốt nghiệp bằng cử nhân khoa học. Ông hiện đang phụ trách điều hành bộ phận kinh doanh nước ngoài tại Công ty Taisei-Oncho HQ.

Thành tích ấn tượng từng đạt được là đã quản lý dự án ở Trung Quốc với tổng doanh thu đạt hơn 70 triệu USD.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: Không

Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị

Hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, nhưng luôn có sự phân công công việc cụ thể cho từng thành viên HĐQT và những bộ phận riêng về các vấn đề như nhân sự, lương thưởng như sau:

Ông Nguyễn Hữu Thịnh - Chủ tịch HĐQT

- Phụ trách chung và chịu trách nhiệm về hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; phân công chuẩn bị tài liệu nội dung các cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

+ Chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của Công ty.

+ Công tác tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới và phát triển Công ty.

+ Tài chính, ngân sách

+ Hỗ trợ phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường Lạnh Công nghiệp và Panel.

- Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

Ông Lê Tấn Phước - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD, công tác đổi mới và nghiên cứu phát triển của Công ty. Đề xuất các chính sách lương thưởng và đãi ngộ cho CBQL của Công ty.

- Xây dựng và đề xuất cho HĐQT chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển và định hướng chiến lược của công ty.

- Hỗ trợ phát triển thị trường M&E tại miền Nam và miền Trung.

- Phụ trách đầu tư và phát triển sản phẩm mới tại Arico.

- Phụ trách hoạt động quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Ông Nguyễn Thanh Sơn- Thành viên HĐQT

- Tham gia công tác quản trị Công ty; chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

- Phụ trách dự án ERP và hỗ trợ phát triển mảng công nghệ thông tin.

- Hỗ trợ phát triển kinh doanh và mở rộng thị trường miền Trung và miền Bắc

- Nghiên cứu đề xuất phương án xây dựng và phương thức quản lý khai thác dự án xây văn phòng Công ty.

- Hỗ trợ công tác kiểm soát nội bộ, kiểm soát giá mua đầu vào để giúp gia tăng hiệu quả hoạt động của toàn nhóm Công ty.

- Nghiên cứu và thẩm định hiệu quả các dự án đầu tư tiềm năng, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới cho Công ty.

Ông Nguyễn Thế Hưng - Thành viên HĐQT

- Tham gia công tác quản trị Công ty; chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

- Phụ trách lĩnh vực tư vấn pháp lý.

- Hỗ trợ TGD trong việc tìm kiếm các đối tác chiến lược nước ngoài, công nghệ mới để hợp tác với Arico và Searee để phát triển lĩnh vực kinh doanh mới, sản phẩm mới, đưa sản phẩm của Arico tiếp cận với thị trường quốc tế.

- Xem xét các đề xuất của TGD về cơ chế trả lương, thưởng cho CBQL thuộc thẩm quyền của HĐQT để trình HĐQT xem xét phê duyệt.

Ông Yoshinobu Tamura - Thành viên HĐQT

- Tham gia công tác quản trị Công ty; chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

- Phụ trách phát triển kinh doanh thị trường mới, thị trường quốc tế, đặc biệt là các dự án có chủ đầu tư là Nhật bản.

- Hỗ trợ Công ty trong công tác đào tạo kỹ sư và các giám đốc dự án theo chuẩn quốc tế để có thể làm các dự án Nhật Bản và các dự án theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ TGD tìm kiếm đối tác chiến lược cho Arico và Searee.

- Hỗ trợ TGD kiểm soát chất lượng công trình.

- Nghiên cứu, giới thiệu các công nghệ mới trong quản lý, thi công và sản xuất.

Ngoài các nhiệm vụ trên, Công ty cử nhân sự hỗ trợ HĐQT những hoạt động sau

- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015

- Thực hiện thủ tục và chuẩn bị các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2014.

- Và các công việc khác của HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Định kỳ, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Trong năm 2015, HĐQT đã họp trực tiếp cũng như họp qua email và ban hành 7 Nghị quyết.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	001/NQ/HĐQT/15	10/04/2015	Thông qua mức thù lao năm 2015 của Thành viên HĐQT và Thành viên BKS
02	002/NQ/HĐQT/15	23/09/2015	Phê duyệt SĐTC mới của Công ty
03	003/NQ/HĐQT/15	24/09/2015	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015
04	004/NQ/HĐQT/15	03/11/2015	Bán thửa đất tại 31 Ngũ Hành Sơn
05	005/NQ/HĐQT/15	21/11/2015	Mua xe ô tô bán tải phục vụ các dự án
06	006/NQ/HĐQT/15	01/12/2015	Phê duyệt hợp đồng giữa các bên có liên quan
07	007/NQ/HĐQT/15	18/12/2015	Đầu tư dự án ERP

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát



Ông Bùi Văn Quyết

Trưởng Ban kiểm soát
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng CP nắm giữ: Không có



Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn

Thành viên Ban kiểm soát
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số lượng CP nắm giữ: 600 cổ phần,
chiếm 0,002% vốn điều lệ



Ông Đỗ Trọng Hiệp

Thành viên Ban kiểm soát
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Tài chính

Số lượng cổ phần sở hữu cá
nhân: Không có

Hoạt động của BKS trong năm 2015

Trong năm 2015, Ban kiểm soát triệu tập họp bất thường và định kỳ theo đúng quy định, phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, cụ thể:

- Kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm; xem xét việc tổ chức lập, ghi chép lưu trữ sổ sách kế toán; tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán, phạm vi kiểm toán, thảo luận các vấn đề vướng mắc, khó khăn và tồn tại trong quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật, chính sách chế độ Nhà nước: Luật doanh nghiệp, Luật Lao động, chính sách chế độ với người lao động, tình hình thực hiện các khoản thuế phải nộp Nhà Nước;
- Tham gia các buổi họp của HĐQT và góp ý với HĐQT trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc qua đó đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc về công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu kinh tế kế hoạch theo Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tham gia thực hiện công tác kiểm soát nội, xem xét thảo luận các báo cáo hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo tính trung thực, thận trọng, vì lợi ích của Công ty và cổ đông;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thống kê các cuộc họp

Ban kiểm soát đã triệu tập các cuộc họp nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định, cụ thể

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
01	15/03/2015	Kiểm tra BCTC Năm 2014; Đánh giá kết quả hoạt động của BKS, HĐQT, Ban giám đốc năm 2014 và thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ.	Các thành viên Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC năm 2014 và các văn kiện trình ĐHĐCĐ.
02	26/05/2015	Phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát. Kiểm tra BCTC Quý I; đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.	Các thành viên Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC Quý I và Bảng phân công nhiệm vụ.
03	21/08/2015	Kiểm tra BCTC Quý II; Đánh giá hoạt động của BKS, HĐQT, Ban giám đốc 6 tháng đầu năm 2015; đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.	Các thành viên Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC Quý II.
04	15/11/2015	Kiểm tra BCTC Quý III; đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, chỉ tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.	Các thành viên Ban Kiểm soát thống nhất với BCTC Quý III.

3. Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Số tiền
1	Hội đồng quản trị	
1.1	Nguyễn Hữu Thịnh	180.000.000
1.2	Lê Tấn Phước	120.000.000
1.3	Nguyễn Thanh Sơn	120.000.000
1.4	Nguyễn Thế Hưng	120.000.000
1.5	Takashi Ichiki	80.000.000
1.6	Yoshinobu Tamura	40.000.000
2	Ban kiểm soát	
2.1	Bùi Văn Quyết	96.000.000
2.2	Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	60.000.000
2.3	Đỗ Trọng Hiệp	45.000.000
	Tổng cộng	861.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn

Ngày 28/01/2015 CTCP Taisei Oncho thực hiện mua 1.195.400 cổ phiếu nâng số cổ phiếu sở hữu lên 6.074.630 cp (tương ứng tỷ lệ sở hữu 24,94%).

Ngày 28/01/2015 CTCP Sửa Việt Nam đã bán 1.195.400 cổ phiếu, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 102.100 cp và không còn là cổ đông lớn.

Các giao dịch khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế	
			Năm nay	Năm trước
CTy TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu	Công ty con	Lợi nhuận được chia	6.700.702.104	13.512.852.555
Công ty CP Sao Phương Nam	Cổ đông lớn	Thuê văn phòng	4.201.776.970	3.298.459.468
Công ty Cổ Phần Quốc Tế Diplomat	Bên liên quan	Doanh thu lắp đặt	26.184.320.407	103.737.805.078
CTCP Đầu Tư Sao Phương Nam	Bên liên quan	Doanh thu lắp đặt	1.964.525.932	12.273.686.250
Tổng cộng			39.051.325.413	132.822.803.351





Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

Thông tin chung	86
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	88
Báo cáo kiểm toán độc lập	90
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	92
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	94
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	95
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	97

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 9 năm 1999 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Giấy phép Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Phó Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 29 tháng 9 năm 2009, và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty (Mã chứng khoán: SRF) là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh đăng ký của Công ty là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng; sản xuất và gia công, chế tạo máy móc, thiết bị vật liệu cơ điện lạnh; thầu thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh, các phương tiện vận tải; kinh doanh các loại vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích và xây dựng nhà các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 14 tòa nhà Centec Tower, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai chi nhánh là Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Searee”) tọa lạc tại Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng và Chi nhánh Cơ điện Công trình – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Searefico M&E”) tọa lạc tại 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (“Arico”) với trụ sở chính đăng ký tại Lô 25-27 Đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THÔNG TIN CHUNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch	
Ông Lê Tấn Phước	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Hưng	Thành viên	
Ông Yoshinobu Tamura	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2015
Ông Takashi Ichiki	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Văn Quyết	Trưởng ban	
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Thành viên	
Ông Đỗ Trọng Hiệp	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Tấn Phước	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Cường	Giám đốc Searee	
Ông Mai Chánh Thành	Giám đốc Searefico M&E	
Ông Huỳnh Khôi Bình	Giám đốc Arico	bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Lê Cảnh Đoàn	Giám đốc Arico	từ nhiệm từ ngày 24 tháng 3 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Hường	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Tấn Phước.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty và các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Tấn Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60752807/17794963-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 3 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		903.433.937.888	746.164.415.561
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	167.726.410.910	214.212.484.776
111	1. Tiền		50.426.410.910	27.122.969.702
112	2. Các khoản tương đương tiền		117.300.000.000	187.089.515.074
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		186.972.796.646	15.489.022.581
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	1.007.003.913	5.657.126.570
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(34.207.267)	(1.168.103.989)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	186.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		377.197.081.368	320.640.327.821
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	350.415.314.651	311.113.196.419
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	16.641.287.455	16.656.131.637
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.064.251.547	21.529.047.652
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.923.772.285)	(28.658.047.887)
140	IV. Hàng tồn kho	8	165.043.554.254	188.946.619.896
141	1. Hàng tồn kho		167.910.133.454	192.031.576.331
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.866.579.200)	(3.084.956.435)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.494.094.710	6.875.960.487
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.435.508.063	703.069.244
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.058.586.647	5.908.746.520
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	264.144.723
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		197.227.698.116	180.611.886.610
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.359.501.840	944.601.840
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	1.359.501.840	944.601.840
220	II. Tài sản cố định		58.578.718.601	67.520.624.888
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	58.014.372.453	62.913.149.580
222	Nguyên giá		131.647.661.399	130.575.131.057
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.633.288.946)	(67.661.981.477)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	564.346.148	4.607.475.308
228	Nguyên giá		1.487.307.153	5.434.131.873
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(922.961.005)	(826.656.565)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.174.726.745	458.576.336
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	5.174.726.745	458.576.336
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	94.121.159.714	72.485.905.768
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	87.821.159.714	72.485.905.768
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	6.300.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		37.993.591.216	39.202.177.778
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	36.203.641.052	37.758.486.986
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.789.950.164	1.443.690.792
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.100.661.636.004	926.776.302.171

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		686.552.806.683	540.217.043.112
310	I. Nợ ngắn hạn		677.368.591.841	528.145.862.973
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		101.984.378.976	66.901.129.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		106.915.170.882	99.976.911.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	22.228.544.110	18.659.766.154
314	4. Phải trả người lao động		25.592.148.058	21.476.572.410
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	49.833.252.439	50.181.496.246
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.394.759.040	4.063.684.698
320	7. Vay ngắn hạn	18	354.230.693.926	249.378.737.380
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	3.519.755.991	10.701.889.318
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	4.669.888.419	6.805.676.475
330	II. Nợ dài hạn		9.184.214.842	12.071.180.139
337	1. Phải trả dài hạn khác		142.000.000	142.000.000
338	2. Vay dài hạn	18	2.638.261.392	6.498.991.389
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	6.403.953.450	5.430.188.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		414.108.829.321	386.559.259.059
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	414.108.829.321	386.559.259.059
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		243.749.160.000	243.749.160.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		243.749.160.000	243.749.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.217.165.031	42.217.165.031
415	3. Cổ phiếu quỹ		(284.019.059)	(284.019.059)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		46.249.834.636	43.378.645.427
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.176.688.713	57.498.307.660
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.018.133.109	4.906.464.528
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		53.158.555.604	52.591.843.132
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.100.661.636.004	926.776.302.171



Trần Thanh Lâm
Người lập



Mai Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Lê Tấn Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.044.789.427.248	839.555.668.316
02	2. Các khoản giảm trừ	23.1	(506.107.674)	(2.270.108.548)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.044.283.319.574	837.285.559.768
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(907.206.277.350)	(710.956.128.090)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.077.042.224	126.329.431.678
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	14.722.859.075	18.019.179.252
22	7. Chi phí tài chính	26	(16.011.066.921)	(12.868.621.943)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(14.256.611.871)	(10.241.112.128)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		17.603.253.946	27.897.025.768
25	9. Chi phí bán hàng		(36.726.650)	(1.812.808.804)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(93.423.703.748)	(84.840.325.594)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59.931.657.926	72.723.880.357
31	12. Thu nhập khác	27	19.755.637.898	960.509.707
32	13. Chi phí khác	27	(381.122.672)	(777.774.332)
40	14. Lợi nhuận khác	27	19.374.515.226	182.735.375
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.306.173.152	72.906.615.732
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(14.312.938.920)	(7.800.366.772)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.3	346.259.372	(333.467.828)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		65.339.493.604	64.772.781.132
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ		65.339.493.604	64.772.781.132
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.5	2.423	2.308
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5	2.423	2.308

Trần Thanh Lâm
Người lập

Mai Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Lê Tân Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		79.306.173.152	72.906.615.732
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	7.170.077.546	7.160.839.368
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(7.789.573.054)	2.972.287.216
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		97.366.252	(17.988.885)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(49.680.902.251)	(44.768.171.270)
06	Chi phí lãi vay	26	14.256.611.871	10.241.112.128
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.359.753.516	48.494.694.289
09	Tăng các khoản phải thu		(35.994.663.803)	(143.987.330.183)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		24.121.442.877	(15.678.584.585)
11	Tăng các khoản phải trả		39.597.850.972	26.350.873.539
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(348.631.654)	2.516.510.132
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		4.650.122.657	(2.726.079.426)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.093.992.917)	(10.175.223.411)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(9.064.973.141)	(9.801.072.691)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.237.239.204
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.641.674.246)	(10.779.856.231)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		41.585.234.261	(112.548.829.363)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(5.863.966.863)	(1.435.126.278)
22	Tiền thu do nhượng bán tài sản cố định		17.000.000.000	-
23	Chi tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		(186.000.000.000)	(11.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		11.000.000.000	5.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(6.300.000.000)	(51.392.880.000)
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.362.893.114	24.473.846.892
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(159.801.073.749)	(34.354.159.386)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
32	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền chi mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành		-	(15.934.000)
33	Tiền thu từ đi vay		739.725.360.351	628.052.521.120
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(638.936.616.273)	(481.263.577.114)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22.4	(29.186.803.774)	(32.391.383.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		71.601.940.304	114.381.626.706
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(46.613.899.184)	(32.521.362.043)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		214.212.484.776	246.710.853.123
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		127.825.318	22.993.696
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	167.726.410.910	214.212.484.776

Trần Thanh Lâm
Người lập

Mai Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Lê Tấn Phước
Tổng Giám đốc



Ngày 3 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 9 năm 1999 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Phó Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 29 tháng 9 năm 2009 và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty (Mã chứng khoán: SRF) là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh đăng ký của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng; sản xuất và gia công, chế tạo máy móc, thiết bị vật liệu cơ điện lạnh; thầu thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh, các phương tiện vận tải; kinh doanh các loại vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích và xây dựng nhà các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 14 tòa nhà Centec Tower, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 721 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 650 người).

Công ty có hai chi nhánh như sau:

- Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh ("Searee") được thành lập theo GCNĐKKD số 3213000275 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKKD số 0301825452-001 thay đổi lần thứ 7 ngày 7 tháng 10 năm 2014. Trụ sở của Searee tại Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Cơ điện Công trình – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh ("Searefico M&E") được thành lập theo GCNĐKKD số 0301825452-003 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 1 năm 2014 và GCNĐKKD thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 9 năm 2014. Trụ sở của SeareficoM&E tại số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu ("Arico"), được thành lập theo GCNĐKKD số 4104002210 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2007 và theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ tư số 0305429178 vào ngày 18 tháng 7 năm 2014. Arico có trụ sở chính tại Lô số 25-27 Đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- . Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- . Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- . Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- . Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- . Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 35.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tuy nhiên, việc thay đổi này, xét trên khía cạnh tổng thể, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến từng công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được xác định là không có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	5 – 20 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định hữu hình đang xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được kết chuyển sang tài sản cố định và trích khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Trường hợp phát sinh lợi thế thương mại âm thì sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
 - Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi công ty giải thể.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá (giá mua và chi phí mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản chênh lệch khi bán hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ vào lãi/(lỗ) mà được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu.

3.17 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng, lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng lắp đặt, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng lắp đặt không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Giá vốn công trình được ghi nhận dựa theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tỷ lệ lãi gộp công trình dự tính. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

Tiền lãi

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty hay quyền được chia lợi nhuận được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.22 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được xem xét, hơn là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	627.606.925	728.576.762
Tiền gửi ngân hàng	49.798.803.985	25.872.882.381
Tiền đang chuyển	-	521.510.559
Các khoản tương đương tiền	117.300.000.000	187.089.515.074
TỔNG CỘNG	167.726.410.910	214.212.484.776

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý		
Công ty Cổ phần LILAMA 18	590.860.451	619.251.600	-	251.559.775	260.160.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	221.006.195	382.330.000	-	319.068.944	733.838.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí và Dịch vụ khoan Dầu khí	195.137.267	160.930.000	(34.207.267)	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Yên	-	-	-	812.500.000	281.216.000	(531.284.000)
Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	-	-	-	669.303.200	294.995.000	(374.308.200)
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	-	-	-	36.955.350	34.102.000	(2.853.350)
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	-	-	-	147.220.500	147.000.000	(220.500)
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	-	-	-	2.953.459.261	2.694.021.322	(259.437.939)
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	-	-	-	467.059.540	480.484.200	-
TỔNG CỘNG	1.007.003.913	1.162.511.600	(34.207.267)	5.657.126.570	4.925.816.522	(1.168.103.989)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	186.000.000.000	186.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	320.532.678.053	212.010.143.702
- Công ty Cổ phần SSG Văn Thành	50.479.085.374	10.391.655.962
- Các khoản phải thu khách hàng khác	270.053.592.679	201.618.487.740
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	29.882.636.598	99.103.052.717
TỔNG CỘNG	350.415.314.651	311.113.196.419
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.791.711.610)	(28.525.987.212)
GIÁ TRỊ THUẦN	347.623.603.041	282.587.209.207

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	16.641.287.455	16.656.131.637
- Công ty TNHH Kiến Trúc và Môi Trường	1.312.450.205	1.776.395.356
- Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Trường Việt	-	2.170.415.604
- Mayekawa Mfg. Co., Ltd.	5.251.504.000	-
- Các khoản trả trước khác	10.077.333.250	12.709.320.677
TỔNG CỘNG	16.641.287.455	16.656.131.637
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(132.060.675)	(132.060.675)
GIÁ TRỊ THUẦN	16.509.226.780	16.524.070.962

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	7.867.452.777	794.180.555
Tạm ứng cho nhân viên	3.844.207.731	16.106.662.825
Phải thu người lao động	310.626.634	321.630.167
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	216.621.709	431.012.146
Phải thu lãi vay từ ưu đãi đầu tư	57.046.702	959.528.796
Cổ tức phải thu	-	2.510.460.000
Phải thu khác	768.295.994	405.573.163
TỔNG CỘNG	13.064.251.547	21.529.047.652
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	2.268.000.000
Phải thu khác từ bên khác	13.064.251.547	19.261.047.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí công trình dở dang	135.024.721.069	(1.263.728.689)	155.610.297.450	(1.263.728.689)
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	27.715.601.823	(1.470.278.422)	25.978.817.153	(1.688.655.657)
Hàng mua đang đi trên đường	1.667.912.823	-	7.545.146.132	-
Thành phẩm	3.501.897.739	(132.572.089)	2.897.315.596	(132.572.089)
TỔNG CỘNG	167.910.133.454	(2.866.579.200)	192.031.576.331	(3.084.956.435)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.084.956.435)	(1.502.015.197)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(465.792.019)	(1.828.724.141)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	684.169.254	245.782.903
Số cuối năm	<u>(2.866.579.200)</u>	<u>(3.084.956.435)</u>

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ thuê văn phòng dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ					Tổng cộng
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	
Nguyên giá:						
Số đầu năm	75.299.720.996	38.305.348.382	11.849.867.236	3.802.607.038	1.317.587.405	130.575.131.057
Mua trong năm	64.988.000	34.500.000	1.085.492.727	138.050.000	36.636.454	1.359.667.181
Thanh lý, nhượng bán	(287.136.839)	-	-	-	-	(287.136.839)
Số cuối năm	75.077.572.157	38.339.848.382	12.935.359.963	3.940.657.038	1.354.223.859	131.647.661.399
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	3.830.273.600	10.425.935.352	1.834.622.098	1.642.779.094	432.288.598	18.165.898.742
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	25.325.886.376	31.694.297.371	6.571.487.461	2.900.272.684	1.170.037.585	67.661.981.477
Khấu hao trong năm	2.794.102.379	1.715.156.891	1.133.796.881	389.766.012	78.863.303	6.111.685.466
Thanh lý, nhượng bán	(140.377.997)	-	-	-	-	(140.377.997)
Số cuối năm	27.979.610.758	33.409.454.262	7.705.284.342	3.290.038.696	1.248.900.888	73.633.288.946
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	49.973.834.620	6.611.051.011	5.278.379.775	902.334.354	147.549.820	62.913.149.580
Số cuối năm	47.097.961.399	4.930.394.120	5.230.075.621	650.618.342	105.322.971	58.014.372.453
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	4.631.355.480	3.794.365.521	258.590.077	-	-	8.684.311.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản vô hình khác	
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.161.384.720	1.161.359.400	111.387.753	5.434.131.873
Mua mới trong năm	-	214.560.000	-	214.560.000
Thanh lý, nhượng bán	(4.161.384.720)	-	-	(4.161.384.720)
Số cuối năm	-	1.375.919.400	111.387.753	1.487.307.153
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	502.509.000	-	502.509.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	726.407.541	100.249.024	826.656.565
Hao mòn trong năm	-	90.735.048	5.569.392	96.304.440
Số cuối năm	-	817.142.589	105.818.416	922.961.005
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.161.384.720	434.951.859	11.138.729	4.607.475.308
Số cuối năm	-	558.776.811	5.569.337	564.346.148

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng nhà xưởng giai đoạn II	3.884.686.084	-
Mua sắm máy móc thiết bị	856.041.120	-
Chi phí khác	433.999.541	458.576.336
TỔNG CỘNG	5.174.726.745	458.576.336

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("HCC")	87.821.159.714	36	72.485.905.768	36

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

	VNĐ
	HCC
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	51.392.880.000
Phần lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết:	
Số đầu năm	21.093.025.768
Phần lãi trong công ty liên kết	17.603.253.946
Cổ tức được chia trong năm	(2.268.000.000)
Số cuối năm	36.428.279.714
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	72.485.905.768
Số cuối năm	87.821.159.714

HCC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3300101156 do SKHĐT Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 5 tháng 1 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

HCC có trụ sở chính tại số 9 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Hoạt động chính của HCC là xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng, thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi; và sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Nước Quốc Tế	6.300.000.000	19	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Nước Quốc Tế ("INWATEK") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313029247 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 11 năm 2014.

INWATEK có trụ sở chính tại số 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của INWATEK là bán buôn máy móc, thiết bị trong ngành sản xuất nước, lắp đặt hệ thống xử lý và khai thác nước sạch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, INWATEK đang trong giai đoạn trước hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	269.151.794	299.606.966
Khác	1.166.356.269	403.462.278
	1.435.508.063	703.069.244
Dài hạn		
Chi phí trả trước thuê đất	33.352.371.723	34.314.459.363
Công cụ, dụng cụ	1.222.052.650	1.123.175.565
Khác	1.629.216.679	2.320.852.058
	36.203.641.052	37.758.486.986
TỔNG CỘNG	37.639.149.115	38.461.556.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cán trừ	Số cuối năm
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	14.896.187.412	51.350.347.979	(53.128.893.172)	-	13.117.642.219
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	536.417.334	(536.417.334)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.138.567.814	(2.138.567.814)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.973.216.557	14.312.938.920	(9.064.973.141)	(216.596.293)	8.004.586.043
(Thuyết minh số 28.2)	790.362.185	9.799.717.807	(9.483.764.144)	-	1.106.315.848
Thuế thu nhập cá nhân	18.659.766.154	78.137.989.854	(74.352.615.605)	(216.596.293)	22.228.544.110
TỔNG CỘNG					
Phải thu					
Thuế xuất, nhập khẩu	47.548.430	-	-	(47.548.430)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.596.293	-	-	(216.596.293)	-
(Thuyết minh số 28.2)	264.144.723			(264.144.723)	
TỔNG CỘNG					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình trích trước	46.671.985.552	48.670.801.567
Chi phí lãi vay	221.888.114	100.327.710
Chi phí khác	2.939.378.773	1.410.366.969
TỔNG CỘNG	49.833.252.439	50.181.496.246

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	2.780.076.391	591.802.027
Chi phí dịch vụ khác phải trả	2.740.912.084	853.542.585
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	716.517.516	643.385.196
Phải trả cổ tức (Thuyết minh 22.4)	588.835.126	541.387.700
Phải trả tiền thuê đất	269.720.400	269.720.400
Tài sản thừa chờ xử lý	-	21.635.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.298.697.523	1.142.211.370
TỔNG CỘNG	8.394.759.040	4.063.684.698

18. VAY

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh 18.1)	347.731.702.537	240.713.415.536
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18.2)	6.498.991.389	8.665.321.844
TỔNG CỘNG	354.230.693.926	249.378.737.380
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh 18.2)	2.638.261.392	6.498.991.389
TỔNG CỘNG	356.868.955.318	255.877.728.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty như sau:

Ngân hàng	VNĐ	
	Số cuối năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh số 6 Hồ Chí Minh	173.878.679.861	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	139.043.047.013	
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	17.094.344.116	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	10.286.413.272	
Ngân hàng Citibank Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	7.429.218.275	
	347.731.702.537	

Nhóm Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

18.2 Vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	VNĐ	
	Số cuối năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	6.498.991.389	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	2.638.261.392	
TỔNG CỘNG	9.137.252.781	
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	6.498.991.389	
Vay dài hạn	2.638.261.392	

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	10.701.889.318	20.567.430.510
Tăng dự phòng trong năm	4.128.025.654	4.452.357.243
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(11.310.158.981)	(14.317.898.435)
Số cuối năm	3.519.755.991	10.701.889.318

Dự phòng phải trả ngắn hạn là những khoản dự phòng bảo hành các công trình đã được hoàn thành và nghiệm thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.805.676.475	5.538.500.677
Trích lập trong năm	8.555.672.142	10.220.216.048
Sử dụng trong năm	(10.691.460.198)	(8.953.040.250)
Số cuối năm	4.669.888.419	6.805.676.475

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	VNĐ				Tổng cộng
	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	
22. VỐN CHỦ SỞ HỮU					
22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu					
Năm trước					
Số đầu năm	162.542.920.000	123.423.405.031	(268.085.059)	39.658.574.034	364.505.130.975
Phát hành cổ phiếu thường	81.206.240.000	(81.206.240.000)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	64.772.781.132
Cổ tức công bố	-	-	(15.934.000)	-	(32.482.503.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(15.934.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	3.720.071.393	(10.220.216.048)
Số cuối năm	243.749.160.000	42.217.165.031	(284.019.059)	43.378.645.427	386.559.259.059
Năm nay					
Số đầu năm	243.749.160.000	42.217.165.031	(284.019.059)	43.378.645.427	386.559.259.059
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	65.339.493.604
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(29.234.251.200)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	2.871.189.209	(8.555.672.142)
Số cuối năm	243.749.160.000	42.217.165.031	(284.019.059)	46.249.834.636	414.108.829.321

(*) Số còn lại là khoản trích lập cho quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Số cuối năm		
	Cổ phần	VNĐ	%
22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)			
22.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp			
Cổ phần sở hữu bởi Nhà nước	3.114.000	31.140.000.000	12,78
Cổ phần của các cổ đông khác	21.247.876	212.478.760.000	87,17
Cổ phiếu quỹ	13.040	130.400.000	0,05
TỔNG CỘNG	24.374.916	243.749.160.000	100
22.3 Cổ phiếu			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Số lượng	Số lượng	
Cổ phiếu đã được phép phát hành	24.374.916	24.374.916	
Cổ phiếu đã phát hành			
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	24.374.916	24.374.916	
Cổ phiếu phổ thông	24.374.916	24.374.916	
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	
Cổ phiếu quỹ			
Cổ phiếu phổ thông	(13.040)	(13.040)	
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	
Cổ phiếu đang lưu hành			
Cổ phiếu phổ thông	24.361.876	24.361.876	
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	
Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ)			
22.4 Cổ tức			
	Năm nay	Năm trước	
Số đầu năm	541.387.700	450.268.000	
Cổ tức đã công bố trong năm	29.234.251.200	32.482.503.000	
Cổ tức trả lần 1 cho năm 2015: 500 VNĐ/cổ phiếu	12.180.938.000	-	
Cổ tức trả lần 2 cho năm 2014: 700 VNĐ/cổ phiếu	17.053.313.200	-	
Cổ tức trả lần 1 cho năm 2014: 500 VNĐ/cổ phiếu	-	12.180.938.000	
Cổ tức trả lần 2 cho năm 2013: 1.250 VNĐ/cổ phiếu	-	20.301.565.000	
Cổ tức đã trả trong năm	(29.186.803.774)	(32.391.383.300)	
Số cuối năm	588.835.126	541.387.700	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Lãi trên mỗi cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	65.339.493.604	64.772.781.132
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(6.307.137.094)	(8.555.672.142)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	59.032.356.510	56.217.108.990
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.361.876	24.361.876
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.423	2.308

Không có giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.044.789.427.248	839.555.668.316
Trong đó:		
Doanh thu công trình xây dựng và lắp đặt	1.040.306.421.721	835.088.602.371
Doanh thu cho thuê	2.764.800.000	2.320.600.000
Doanh thu bán hàng hóa	1.718.205.527	2.146.465.945
Giảm trừ doanh thu		
Giảm doanh thu công trình xây dựng và lắp đặt	(506.107.674)	(2.270.108.548)
Doanh thu thuần	1.044.283.319.574	837.285.559.768
Trong đó:		
Doanh thu công trình xây dựng và lắp đặt	1.039.800.314.047	832.818.493.823
Doanh thu cho thuê	2.764.800.000	2.320.600.000
Doanh thu bán hàng hóa	1.718.205.527	2.146.465.945
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.016.134.473.235	717.975.608.972
Doanh thu đối với bên liên quan	28.148.846.339	119.309.950.796

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.292.753.837	15.954.017.810
Cổ tức, lợi nhuận được chia	364.951.499	291.549.800
Lãi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	1.219.774.784	625.577.892
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	845.378.955	1.114.335.974
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	33.697.776
TỔNG CỘNG	14.722.859.075	18.019.179.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn công trình	902.208.383.272	704.881.213.780
Giá vốn cho thuê	2.949.373.800	1.707.898.791
Giá vốn của hàng hóa đã bán (Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.254.257.761	2.864.349.461
	(205.737.483)	1.502.666.058
TỔNG CỘNG	907.206.277.350	710.956.128.090

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	70.548.642.047	59.289.661.229
Chi phí nguyên vật liệu	829.006.114	1.925.468.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập) trích lập dự phòng	3.107.139.903	2.711.465.137
	(196.771.719)	2.288.158.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.498.885.927	11.685.399.382
Chi phí khác	5.636.801.476	6.940.172.683
TỔNG CỘNG	93.423.703.748	84.840.325.594

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.256.611.871	10.241.112.128
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	1.687.151.771	2.326.257.165
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.101.923.858	891.366.148
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	97.366.252	15.708.891
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.133.896.722)	(605.822.389)
Chi phí tài chính khác	1.909.891	-
TỔNG CỘNG	16.011.066.921	12.868.621.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	19.755.637.898	960.509.707
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	19.566.701.811	-
Thu nhập khác	188.936.087	960.509.707
Chi phí khác	381.122.672	777.774.332
Chi phí khác	381.122.672	777.774.332
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	19.374.515.226	182.735.375

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và Arico có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, tại Arico: Ban Tổng Giám đốc đánh giá Arico được hưởng thuế suất TNDN ưu đãi như sau:

- Hưởng mức thuế suất 15% trong vòng 12 năm kể từ khi phát sinh doanh thu (năm 2010).
- Miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con (Arico) sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.037.256.475	7.747.067.577
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	275.682.445 (346.259.372)	53.299.195 333.467.828
TỔNG CỘNG	13.966.679.548	8.133.834.600

28.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	79.306.173.152	72.906.615.732
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.710.424.856	2.991.112.971
Các khoản chênh lệch tạm thời	3.267.039.124	(1.695.996.076)
Thu nhập không thuộc đối tượng chịu thuế	(364.951.499)	(291.549.800)
Phần lãi trong công ty liên kết	(17.603.253.946)	(27.897.025.768)
Thu nhập chịu thuế ước tính	67.315.431.687	46.013.157.059
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế	61.990.338.615	28.463.498.685
Thu nhập chịu thuế được miễn giảm	5.325.093.072	19.801.304.890
Lỗ thuế ước tính	-	(2.251.646.516)
Thuế TNDN phải trả ước tính	14.809.394.970	10.618.256.786
Thuế TNDN được miễn giảm	(772.138.495)	(2.871.189.209)
Thuế TNDN phải trả ước tính sau miễn giảm	14.037.256.475	7.747.067.577
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.756.620.264	4.757.326.183
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	275.682.445	53.299.195
Thuế TNDN đã trả trong năm	(9.064.973.141)	(9.801.072.691)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	8.004.586.043	2.756.620.264
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế TNDN phải trả tại Searee	1.017.214.324	2.178.139.058
- Thuế TNDN phải trả tại Arico	59.249.853	795.077.499
- Thuế TNDN phải trả (phải thu) tại Văn phòng và Searefico M&E	6.928.121.866	(216.596.293)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VNĐ		VNĐ	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.280.790.690	1.194.641.525	86.149.165	79.117.775
Chi phí phải trả	524.389.134	219.434.025	304.955.109	(44.056.718)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(15.229.660)	561.893	(15.791.553)	508.260
Dự phòng phải thu khó đòi	-	29.053.349	(29.053.349)	(369.037.145)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.789.950.164	1.443.690.792		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			346.259.372	(333.467.828)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quốc tế Diplomat	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	26.184.320.407	103.737.805.078
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Phương Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	1.964.525.932	12.273.686.250
Công ty Cổ phần Sao Phương Nam	Cổ đông lớn	Thuê văn phòng	4.201.776.970	3.298.459.468
Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	2.268.000.000	6.804.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Quốc tế Diplomat	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.721.658.073	85.601.997.842
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Phương Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	2.160.978.525	13.501.054.875
			29.882.636.598	99.103.052.717
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu	-	2.268.000.000
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Sao Phương Nam	Cổ đông lớn	Đặt cọc thuê văn phòng	1.286.445.840	886.545.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt khác trong năm nay và năm trước như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt khác	12.160.428.848	13.695.325.361
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	846.000.000	851.000.000
TỔNG CỘNG	13.006.428.848	14.546.325.361

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	7.601.043.893	4.577.331.593
Từ 1 – 5 năm	17.570.575.574	8.710.742.374
Trên 5 năm	21.904.523.623	24.962.454.794
TỔNG CỘNG	47.076.143.090	38.250.528.761

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	27.786.696.790	2.281.351.658
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	298.249,33	28.450,34
- Yên (JPY)	10.000,00	10.000,00
- Bảng Anh (GBP)	7,16	7,16
- Đô la Úc (AUD)	0,67	0,67
- Euro (EUR)	309,86	0,42

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, Nhóm Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền và tương đương, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán kinh doanh.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ vay, các khoản tiền và tương đương tiền.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Nhóm Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay, tiền và tương đương tiền với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty như sau:

		VNĐ
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VNĐ	100	(5.042.830)
VNĐ	(100)	5.042.830
Năm trước		
VNĐ	100	(241.662.526)
VNĐ	(100)	241.662.526

Mức tăng, giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Một số chi phí của Nhóm Công ty phát sinh bằng các loại ngoại tệ khác với đồng Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt các quyết định thanh lý cổ phiếu vào thời điểm thích hợp.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Nhóm Công ty là 1.162.511.600 VNĐ (31 tháng 12 năm 2014: 4.925.816.522 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng/giảm 10% sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay	354.230.693.926	2.638.261.392	356.868.955.318
Phải trả người bán ngắn hạn	101.984.378.976	-	101.984.378.976
Các khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	58.228.011.479	-	58.228.011.479
TỔNG CỘNG	514.443.084.381	2.638.261.392	517.081.345.773
Số đầu năm			
Các khoản vay	249.378.737.380	6.498.991.389	255.877.728.769
Phải trả người bán ngắn hạn	66.901.129.086	-	66.901.129.086
Các khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	54.245.180.944	-	54.245.180.944
TỔNG CỘNG	370.525.047.410	6.498.991.389	377.024.038.799

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18).

Nhóm Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khác, các khoản phải trả và những khoản vay ngắn hạn khác tương đương với giá trị sổ sách chủ yếu là do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ tài chính này.

Bảng dưới đây thể hiện giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	VNĐ			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	320.532.678.053	-	212.010.143.702	(28.525.987.212)
Phải thu ngắn hạn khác	13.064.251.547	-	19.261.047.652	-
Phải thu ngắn hạn của bên liên quan				
(Thuyết minh số 6 và 7)				
Đầu tư ngắn hạn	29.882.636.598	-	101.371.052.717	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	187.007.003.913	(34.207.267)	16.657.126.570	(1.168.103.989)
Chứng khoán kinh doanh	186.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.007.003.913	(34.207.267)	5.657.126.570	(1.168.103.989)
	167.726.410.910	-	214.212.484.776	-
TỔNG CỘNG	718.212.981.021	(2.825.918.877)	563.511.855.417	(29.694.091.201)

	VNĐ			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng <td>Nguyên giá</td> <td>Dự phòng </td>	Nguyên giá	Dự phòng
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	356.868.955.318	-	255.877.728.769	-
Phải trả người bán ngắn hạn	101.984.378.976	-	66.901.129.086	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	58.228.011.479	-	54.245.180.944	-
TỔNG CỘNG	517.081.345.773	-	377.024.038.799	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Nhóm Công ty hiện không có nhiều hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là tư vấn, cung cấp và lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Đầu tư ngắn hạn	16.657.126.570	(16.657.126.570)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	5.657.126.570	5.657.126.570
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(1.168.103.989)	(1.168.103.989)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.168.103.989)	1.168.103.989	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	4.991.372.681	16.537.674.971	21.529.047.652
Tài sản ngắn hạn khác	16.537.674.971	(16.537.674.971)	-
Phải thu dài hạn khác	-	944.601.840	944.601.840
Tài sản dài hạn khác	944.601.840	(944.601.840)	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	99.450.111.207	526.799.999	99.976.911.206
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	526.799.999	(526.799.999)	-
Phải trả dài hạn khác	5.572.188.750	(5.430.188.750)	142.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	5.430.188.750	5.430.188.750
Quỹ đầu tư phát triển	33.377.081.332	10.001.564.095	43.378.645.427
Quỹ dự phòng tài chính	10.001.564.095	(10.001.564.095)	-
			VNĐ
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(709.674.956.290)	(1.281.171.800)	(710.956.128.090)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(86.121.497.394)	1.281.171.800	(84.840.325.594)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.659	(351)	2.308
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.659	(351)	2.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

			VNĐ
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Lãi từ hoạt động đầu tư	(42.441.914.105)	(2.326.257.165)	(44.768.171.270)
Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh	-	(2.726.079.426)	(2.726.079.426)
Chi tiền gửi ngắn hạn ngân hàng	(50.836.267.913)	39.836.267.913	(11.000.000.000)
Thu hồi tiền gửi ngắn hạn ngân hàng	39.783.931.322	(34.783.931.322)	5.000.000.000

36. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Ngày 16 tháng 1 năm 2014, Nhóm Công ty ký kết thỏa thuận tài trợ không hoàn lại (“Thỏa thuận”) với Ban Quản lý Dự án kế hoạch loại trừ các chất HCFC (hydrochlorofluorocarbon, là chất gây suy giảm tầng ozone) Việt Nam – Giai đoạn một, thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam về dự án chuyển đổi công nghệ sản xuất sử dụng HCFC-141b sang công nghệ sản xuất sử dụng cyclopentane để loại trừ các chất HCFC. Thỏa thuận trên nhằm tuân thủ Nghị định thư Montreal về các chất gây suy giảm tầng ozone mà Việt Nam là thành viên và được tài trợ bởi Quỹ Đa phương (“MLF”). MLF được thành lập theo Điều khoản số 10 của Nghị định thư Montreal do các thành viên tham gia phê chuẩn trong phiên họp lần thứ hai năm 1990.

Theo Thỏa thuận, tổng chi phí của dự án là 1.216.420 USD, trong đó giá trị máy móc thiết bị là 790.200 USD. MLF sẽ tài trợ cho dự án số tiền tổng cộng là 1.027.000 USD, bao gồm giá trị của máy móc thiết bị. Phần còn lại sẽ là vốn đối ứng do Nhóm Công ty góp. Trong năm, Nhóm Công ty đã nhận bàn giao máy móc thiết bị với giá trị tạm tính là 608.696 USD.

Hiện tại, dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện và do Nhóm Công ty chưa nhận đủ số máy móc thiết bị từ MLF, cũng như giá trị tài trợ cuối cùng chưa được quyết toán giữa các bên tham gia nên Nhóm Công ty chưa ghi nhận giá trị máy móc thiết bị đã nhận từ MLF vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

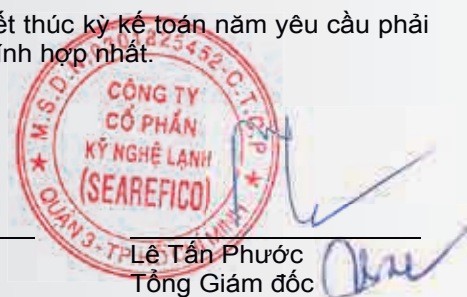
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thanh Lâm
Người lập



Mai Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ LẠNH
(SEAREFICO)
QUẬN 3 - TP. HCM

Lê Tấn Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

SEAREFICO

SEAREFICO M&E

Tầng 14, Centec Tower
72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
TP.Hồ Chí Minh
T: +84 8 3822 7260
F: +84 8 3822 6001
W: www.searefico.com

SEAREE

Đường số 10
KCN Hoà Khánh, Quận Liên Chiểu
TP. Đà Nẵng
T: +84 05113 734 218
F: +84 05113 736 253
W: www.searee.com

ARICO

Lô 25 – 27, Đường Trung Tâm
KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân
TP.Hồ Chí Minh
T: +84 8 3754 5678
F: +84 8 3754 5680
W: www.arico.com.vn